

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
-----o0o-----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0203002740 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hải Phòng cấp
Đăng ký lần đầu, ngày 27 tháng 12 năm 2006
Đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 09 tháng 04 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Phần I: Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
5. Định hướng phát triển	8
6. Các rủi ro	10
Phần II: Tình hình hoạt động trong năm	13
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	13
2. Tổ chức và nhân sự	21
3. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	30
4. Tình hình tài chính	30
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	32
Phần III: Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty	33
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	36
2. Tình hình tài chính	37
3. Kế hoạch phát triển tương lai	39
Phần IV: Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	40
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	40
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty	42
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	43
Phần V: Quản trị Công ty	46
1. Hội đồng quản trị	50
2. Ban kiểm soát	50
3. Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị của Công ty	53
4. Tiền lương và Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát	54
5. Các giao dịch của cổ đông nội bộ	55
Phần VI: Báo cáo tài chính	56

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0203002740 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 4 năm 2009 tại Sở Kế hoạch đầu tư tp.Hải Phòng
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, tp.Hải Phòng
- Số điện thoại: (84-31) 3842151
- Số fax: (84-31) 3842271
- Website: www.vinaship.com.vn
- Mã cổ phiếu: VNA

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

➤ Việc thành lập

Nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập, thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 6 Đảng Cộng sản Việt Nam, các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực bắt tay vào công cuộc đổi mới toàn diện về quản lý kinh tế, xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp và chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa (XHCN). Không nằm ngoài quy luật, Bộ Giao thông vận tải cũng thực hiện đổi mới với việc cắt giảm biên chế khối hành chính sự nghiệp, chuyển chức năng quản lý kinh tế kỹ thuật trực tiếp xuống các doanh nghiệp và thành lập các doanh nghiệp mới.

Cũng trong thời kỳ này, ngày 10/3/1984, Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) được thành lập theo Quyết định số 694/QĐ-TCCB của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải .

Ngày 23/3/1993: Bộ Giao thông Vận tải ra quyết định thành lập lại Công ty Vận tải biển III theo Quyết định số 463/QĐ-TCCB. Công ty Vận tải biển III là Doanh nghiệp Nhà nước hạng I, hạch toán kinh tế độc lập, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 105658 do Sở Kế hoạch đầu tư t/p Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 4 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 3 năm 2002.

Ngày 24 tháng 10 năm 2006, Bộ Giao thông vận tải ký quyết định số 2264/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty vận tải biển III , đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP.

Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty ngày 21 tháng 12 năm 2006, được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0203002740** ngày 27/12/2006, với tổng số vốn điều lệ là **200** tỷ đồng, trong đó vốn Nhà Nước nắm giữ 51%.

Trong lịch sử 27 năm hình thành và phát triển, Công ty đã luôn nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tích cao trong sản xuất kinh doanh và góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

➤ **Niêm yết cổ phiếu**

Công ty được niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định về việc niêm yết cổ phiếu số 93/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/8/2008.

- Mã chứng khoán: VNA
- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đ/cổ phiếu
- Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên: 09/09/2008
- Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện tại: 20.000.000 cổ phiếu

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

➤ **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty**

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng;- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; | <ul style="list-style-type: none">- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn tàu, biển. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;- Bốc xếp hàng hóa;- Đại lý, môi giới, đấu giá;- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; |
|---|--|

➤ **Tình hình hoạt động**

Vận tải đường biển:

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hoá, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn coi trọng việc đầu tư phát triển đội tàu, trang thiết bị sản xuất, đào tạo bổ sung nguồn nhân lực. Vì thế trong những năm vừa qua, Công ty đã không những giữ vững mà còn phát triển thị phần vận tải trong nước và khu vực, mở thêm những lĩnh vực kinh doanh mới.

Xét về phương diện quy mô vốn, số tấn trọng tải Đội tàu và thị phần vận tải thì VINASHIP được coi là một trong các doanh nghiệp vận tải biển lớn thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Xét về hiệu quả sản xuất kinh doanh, với mô hình tổ chức hiện có, được thừa hưởng đội ngũ thuyền viên có bề dày kinh nghiệm, đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, Vinaship cũng luôn nằm trong top những doanh nghiệp thành viên có hiệu quả sản xuất kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận cao trong Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty cũng đã xác lập được thương hiệu "VINASHIP" trong thị trường vận tải trong nước cũng như thị trường vận tải quốc tế, đặc biệt là hoạt động vận tải hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước Khu vực Đông Nam Á và Bắc Á. Các đối tác và bạn hàng chiến lược của Công ty là các tập đoàn, nhà kinh doanh, nhà nhập khẩu lớn của khu vực như: nông sản (Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – VINAFOOD II, Thoresen Indochina SA, Bulog, NFA, Toepfer, Cargill, Samsung Logistic, Chayaporn Rice Co., Thailand...), than đá (Thailand Anthracite Coal Co., Ltd, Teparak SA...), Clinker, thạch cao (SCT, SCCC, Larfarge, DIC, ITC, ...), sắt thép (Vinakyoe, Lee Metal Group Singapore, Green Pacific Jakarta...); phân bón (Philippine Phosphata Fertilizer Corporation, Mekatrade Asia Pte Ltd, MITCO Petronas Malaysia...).

Hoạt động dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức: Song hành với kinh doanh vận tải biển, Vinaship đã tích cực phát triển ngành dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức để khai thác thế mạnh về kiến thức, kinh nghiệm và quan hệ trên thị trường vận tải. Vinaship đã đưa ra thị trường sản phẩm dịch vụ logistics có uy tín và chất lượng cao được các khách hàng trong nước cũng như các doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam tin cậy.

Các dịch vụ vận chuyển nguyên liệu cung cấp tận nhà máy cho nhà sản xuất, vận chuyển sản phẩm từ nơi sản xuất tới tận kho của các nhà phân phối đang là những sản phẩm dịch vụ vận tải có chất lượng cao được thị trường tin dùng và thị phần ngày càng mở rộng. Hiện tại VINASHIP đã đạt sản lượng dịch vụ logistics và vận tải đa phương thức mỗi tháng hàng ngàn Container nội địa và xuất nhập khẩu. Trong tương lai, tỷ trọng của sản phẩm này trong hoạt động sản xuất kinh doanh của VINASHIP ngày càng tăng, góp phần đáng kể trong doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

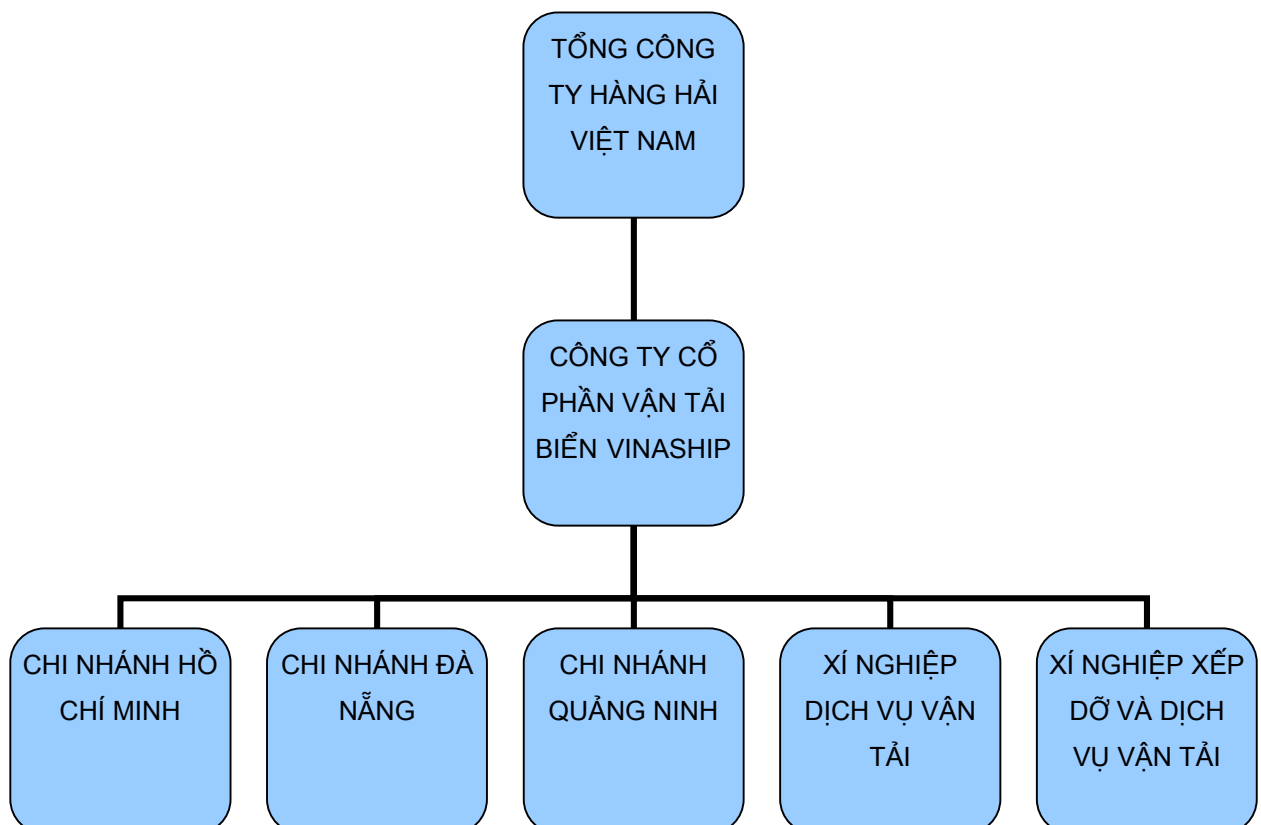
Hoạt động kho bãi, bốc xếp hàng hoá và dịch vụ kho vận: VINASHIP đang quản lý khai thác 01 bãi Container, 01 bãi CFS và 01 bãi Container hậu phương có vị trí địa lý rất thuận lợi. Với mục tiêu vừa khai thác kho bãi vừa làm dịch vụ kho vận giao nhận kết hợp với lực lượng nhân lực bốc xếp có kinh nghiệm, VINASHIP sẽ đưa ra một dịch vụ forwarding hoàn hảo nhằm phục vụ khách hàng chu đáo nhất. Hiện tại công việc này đã mang lại việc làm cho hơn một trăm lao động và một nguồn doanh thu đáng kể cho doanh nghiệp. Trong những năm tới, khu vực này sẽ là một bộ phận kinh doanh quan trọng góp phần đa dạng hoá hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn giữ vững truyền thống là đơn vị quản lý tài chính nề nếp, vốn và tài sản luôn được bảo toàn, phát triển. Hệ thống tài chính kế toán trong Công ty luôn làm tốt công tác phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản lý và quyết định trong sản xuất kinh doanh cho lãnh đạo Công ty và đây cũng chính là điểm khác biệt giúp cho Công ty luôn được đánh giá là một trong ít Công ty đứng đầu so với các công ty cùng ngành nghề.

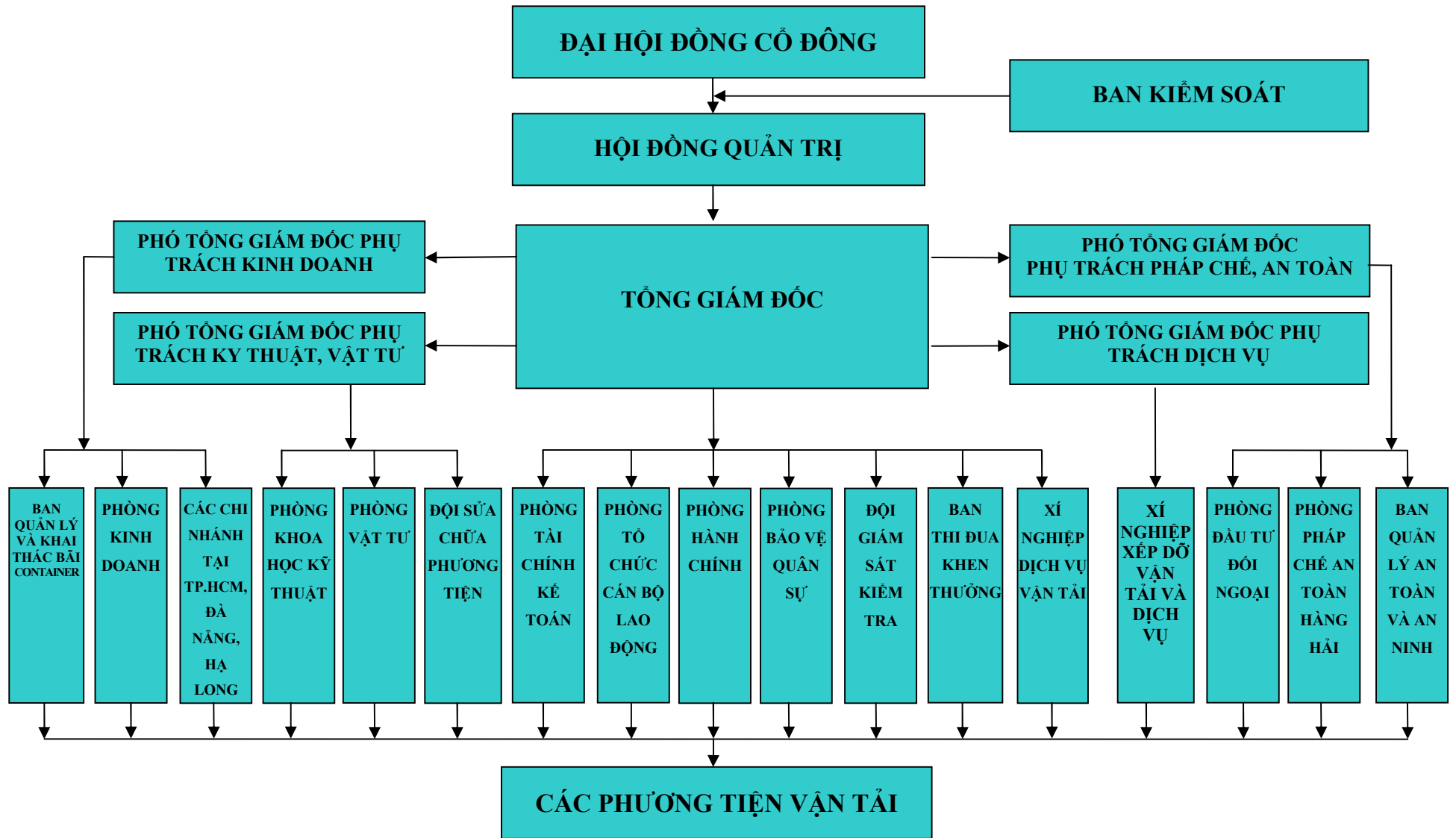
So với các đối thủ trên thị trường, VINASHIP là một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong ngành vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

➤ **Sơ đồ cơ cấu tổ chức**



SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY



5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Việt Nam là một quốc gia biển, điều kiện địa lý và tự nhiên rất thuận lợi cho việc phát triển vận tải biển và ngoại thương bằng đường biển. Vài năm trở lại đây, cùng với sự gia tăng lượng hàng hoá lưu thông nội địa, các mặt hàng xuất nhập khẩu như gạo, cà phê, tiêu, hạt điều, dầu thô, khí đốt cũng tăng đáng kể. Đặc biệt, sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO, kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam và các nước trên thế giới có sự tăng trưởng đáng kể. Lượng hàng hoá lưu thông vô cùng dồi dào đang và sẽ là đòn bẩy giúp ngành vận tải biển Việt Nam phát triển. Đáng nói hơn, cơ hội dành cho đội tàu biển Việt Nam không chỉ là vận chuyển nguồn hàng xuất nhập khẩu trong nước mà còn tham gia chia sẻ thị trường với các nước trong khu vực và trên thế giới. Thị trường hàng hoá trong nước có nhiều khởi sắc, thị trường nước ngoài có những tín hiệu đáng mừng. Trong khu vực, Indonesia và Philippines vẫn là 2 nước nhập khẩu gạo lớn của nước ta. Lượng hàng xuất nhập khẩu của Thái Lan vô cùng dồi dào. Tuy nhiên, đội tàu biển của những nước này không đáp ứng kịp, vì vậy, đội tàu biển Việt Nam ngoài việc vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu trong nước vẫn còn nhiều cơ hội để chia sẻ thị trường với các nước trong khu vực. Các nước láng giềng như Trung Quốc, Campuchia cũng là thị trường đầy tiềm năng cho ngành vận tải biển Việt Nam. Là đơn vị có truyền thống, nhiều kinh nghiệm kinh doanh trên tuyến Châu Á, Công ty đang có những cơ hội lớn để đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, thương hiệu, thâm nhập và mở rộng thị phần trong và ngoài nước.

Hiện nay, VINASHIP đang thực hiện chủ trương đầu tư trẻ hoá và cơ cấu lại đội tàu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng vận tải, tăng năng lực cạnh tranh của Đội tàu bằng việc đặt đóng mới ở các nhà máy đóng tàu trong và ngoài nước, đồng thời mở rộng giao dịch để mua tàu đã qua sử dụng của nước ngoài. Chính sách phát triển này của VINASHIP nằm trong kế hoạch nâng cao năng suất vận tải và trẻ hóa Đội tàu biển Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến công tác đầu tư mở rộng quy mô hoạt động ngành nghề, tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường cho các đơn vị trực thuộc như Xí nghiệp Dịch vụ vận tải, Xí nghiệp Xếp dỡ - Vận tải và Dịch vụ.

Bên cạnh đó, Công ty chủ trương xây dựng hệ thống quản lý chất lượng để cung cấp dịch vụ vận tải biển đạt hiệu quả cao và bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo quyền lợi của khách hàng. Tăng cường dịch vụ phải đi kèm với tăng cường chất lượng. Chỉ có chất lượng mới tạo được lòng tin từ khách hàng. Hơn thế nữa Công ty có thể xây dựng được một hệ thống khách hàng thường xuyên, nằm trong chiến lược phát triển bền vững.

Hiện tại Đội tàu của Công ty gồm 13 tàu chở hàng khô với tổng trọng tải khoảng 189.730 DWT. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực vận tải Đội tàu thông qua hình thức đóng tàu mới, mua tàu đã qua sử dụng; tập trung vào đầu tư Đội tàu chở hàng rời, hàng bách hóa; tiếp tục thực hiện chiến lược trẻ hóa Đội tàu thông qua việc bán những tàu già, cũ, hiệu quả khai thác kém.

Bên cạnh việc đẩy mạnh đầu tư Đội tàu hàng rời, theo chủ trương của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là phát triển đa dạng các loại tàu, trong thời gian tới Công ty cũng sẽ xem xét việc phát triển các loại tàu hàng khác như tàu Container, tàu hàng lỏng, tàu chuyên dụng... tại thời điểm xét thấy có hiệu quả nhất.

Bảng 1: Bảng kê đội tàu của Công ty

STT	Tên con tàu	Năm đóng/Nơi đóng	Trọng tải (DWT)	Độ mớn nước (m)	Năm đưa vào sử dụng
1	Tàu Bình Phước	1989/Nhật Bản	7.054	6,39	2001
2	Tàu Hà Nam	1985/Nhật Bản	6.500	6,9	2000
3	Tàu Hà Tiên	1986/Nhật Bản	7.018	7,42	2001
4	Tàu Mỹ An	1994/Nhật Bản	8.294	7,32	2003
5	Tàu Mỹ Hưng	2003/Việt Nam	6.500	6,9	2003
6	Tàu Mỹ Thịnh	1990/Nhật Bản	14.348	7,939	2004
7	Tàu Mỹ Vượng	1989/Nhật Bản	14.339	7,939	2004
8	Tàu Vinaship Ocean	1986/Nhật Bản	12.367	8,306	2007
9	Tàu Vinaship Diamond	1996/Nhật Bản	24.034	9,553	2009
10	Tàu Vinaship Gold	2008/Việt Nam	13.245	8,35	2008
11	Tàu Vinaship Pearl	1996/Nhật Bản	24.241	9,548	2009
12	Tàu Vinaship Sea	1998/Nhật Bản	27.841	9,65	2010
13	Tàu Vinaship Star	1996/Nhật Bản	23.949	9,42	2011

Đầu tư xây dựng cơ bản:

Ngoài việc tập trung phát triển đội tàu để tăng năng lực cạnh tranh, Công ty sẽ xúc tiến để triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nhằm thúc đẩy các hoạt động dịch vụ tăng lên trong thời gian tới.

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thông tin

Hiện tại các phòng ban trong toàn Công ty đã được trang bị đầy đủ công nghệ thông tin. Trong năm 2009 Công ty đã thực hiện kết nối lại đường mạng nội bộ đồng thời sử dụng đường truyền FTTH tốc độ cao, kết nối và trao đổi thông tin giữa các khu vực và trung tâm. Về phần mềm, Công ty cũng đã từng bước đầu tư các phân hệ phần mềm quản trị doanh nghiệp do các nhà cung cấp trong nước sản xuất phục vụ cho các bộ phận chuyên môn như Tài chính kế toán, Nhân sự và Quản lý khai thác Đội tàu nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với phương châm là luôn đi tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng, VINASHIP liên tục tìm kiếm các sản phẩm vận tải mới nhằm tăng tính cạnh tranh. Ngoài hoạt động vận tải biển, Công ty tổ chức kinh doanh các ngành nghề khác như đại lý vận tải nội địa, môi giới hàng hải, xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa và phục vụ vận chuyển Container tại bãi, dịch vụ cung ứng nước ngọt cho tàu tại cảng, đại lý tàu biển, sửa chữa nhỏ tàu biển, cho thuê bãi và kho Container, cho thuê thuyền viên. Những dịch vụ này trước mắt chủ yếu phục vụ Đội tàu Công ty nhằm tạo việc làm và doanh thu cho Công ty. Trong tương lai Công ty sẽ mở rộng và phát triển các hoạt động trên để từng bước hình thành mô hình vận tải khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hóa.

6. CÁC RỦI RO

➤ **Rủi ro về kinh tế**

Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu diễn ra từ nửa cuối năm 2008 đến nay đã tác động mạnh đến nền kinh tế thế giới, ảnh hưởng tới mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh và kéo theo nhu cầu vận tải biển suy giảm nghiêm trọng. Bước sang năm 2012, xuất hiện thêm các yếu tố không thuận lợi từ sự bất ổn chính trị tại các quốc gia Trung Đông và Châu Phi, tình hình nợ công tại Châu Âu diễn biến phức tạp dẫn đến những tác động kép, ảnh hưởng mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Đối với lĩnh vực vận tải biển, sau thời gian tăng trưởng mạnh, số lượng tàu tăng lên nhanh chóng đã làm mất cân đối giữa cung và cầu tàu biển trên thế giới khiến cho sự cạnh tranh càng

trở nên gay gắt. Giá cước vận tải duy trì ở mức thấp kéo dài và thấp hơn giá thành dịch vụ dẫn đến hàng loạt các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển ở cả trong nước và quốc tế kinh doanh thua lỗ, phải bán tàu. Thậm chí một số đơn vị bị phá sản, số lượng tàu bị bắt giữ để siết nợ ngày càng tăng, nhiều tàu phải dừng hoạt động do không có kinh phí duy trì bảo hiểm, nhiên liệu, lương thuyền viên...

Trong năm 2013, ngoài thị trường vận tải khí hóa lỏng vẫn ở mức cước ổn định thì thị trường vận tải biển vẫn tiếp tục duy trì ở mức trung bình đối với phần lớn các loại tàu hàng lỏng, tàu vận tải container và tàu vận tải hàng rời. Nguyên nhân chính dẫn đến hiện trạng này là do tình trạng dư thừa tải trọng của các đội tàu và nền kinh tế thế giới vẫn đang trong tình trạng phục hồi chậm chạp.

Theo Cục Hàng hải Việt Nam, dù dự báo năm 2014 kinh tế sẽ tiếp tục tăng trưởng, song khó khăn của năm 2013 vẫn để lại dư âm kéo dài đến năm nay, các doanh nghiệp vận tải biển bởi vậy chưa hoàn toàn thoát khỏi khó khăn. Hoạt động kinh doanh vận tải biển và các dịch vụ hàng hải chưa có nhiều dấu hiệu để khởi sắc.

Chính vì vậy, tình trạng cung vượt cầu của thị trường thế giới dự báo vẫn còn kéo dài đến hết năm 2014. Theo đó, các tuyến vận tải của Việt Nam đi quốc tế dự báo vẫn chưa thể hồi phục trong năm nay. Diễn biến nghịch chiều của giá cước và giá đầu vào dự kiến vẫn tiếp diễn trong năm.

Các chỉ số thuê tàu vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục, chỉ số thuê tàu hàng khô Batic (BDI Index) vẫn ở mức thấp từ đầu năm đến nay. Trong khi đó, giá cước khó có thể điều chỉnh tăng mạnh do nhu cầu vẫn còn thấp, nguồn cung vượt cầu.

Cùng với đó, giá xăng dầu tiếp tục được điều chỉnh tăng, khấu hao lớn từ các tàu mới sẽ khiến lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp vận tải biển tiếp tục bị thu hẹp. Kéo theo là áp lực từ các khoản nợ vay dài hạn gần đến hạn trả.

Đối với Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship, nhận thức rõ yếu tố rủi ro trên, trong thời gian qua, Công ty luôn theo dõi sát sao diễn biến kinh tế thế giới và Việt Nam, tập trung tối đa vào việc khai thác hiệu quả thị trường nội địa và chủ động tìm kiếm nắm bắt các đối tác khách hàng trên thế giới phù hợp với năng lực vận tải của mình; đồng thời, Công ty cũng có chính sách phòng ngừa rủi ro, phân tích đánh giá tình hình. Đến thời điểm hiện tại, đội tàu của Công ty vẫn được khai thác hiệu quả, một số tàu đang được cho thuê định hạn với mức giá ổn định, đảm bảo được hiệu quả kinh tế và từng bước vượt qua giai đoạn khó khăn. Nhờ vậy, Công ty đã hạn chế được tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng và có thể tận dụng tốt cơ hội khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi.

➤ **Rủi ro về luật pháp**

Là Công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện còn trong quá trình hoàn thiện, do vậy sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra có thể ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty. Hơn nữa, hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của pháp luật về hàng hải, môi trường, bảo hiểm ... cùng các quy định của các nước sở tại và công ước quốc tế do vậy, rủi ro pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty là thường trực và rất đa dạng.

Nhận thức rõ vấn đề này, Công ty luôn chú trọng quan tâm tới việc cập nhật pháp luật không chỉ của Việt Nam mà còn của các nước mà Vinaship có quan hệ kinh tế. Công ty thường xuyên có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty về các quy định của pháp luật cũng như ý thức chấp hành pháp luật.

➤ **Rủi ro đặc thù**

Rủi ro biến động giá nhiên liệu

Do đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải, nhiên liệu có tỷ trọng rất lớn trong chi phí hoạt động của Công ty, đặc biệt là xăng, dầu. Chi phí nhiên liệu chiếm từ 20 – 35% trong giá vốn của Công ty. Do vậy, sự biến động của giá nhiên liệu sẽ ảnh hưởng rất lớn tới kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro từ các quy định mới về vận tải trên thế giới

Hoạt động vận tải của Vinaship phải tuân thủ các công ước quốc tế, các quy định của Tổ chức hàng hải thế giới (IMO) như Solas, ISM code và Bộ luật an ninh cảng biển và tàu biển quốc tế (ISPS) có hiệu lực từ 1/7/2004. Trong các quy định về an ninh, an toàn hàng hải có nhiều thay đổi với yêu cầu ngày càng ngặt nghèo hơn, đòi hỏi các chủ tàu phải tăng cường đầu tư trang thiết bị, đào tạo sỹ quan, thuyền viên đã làm tăng chi phí hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, các quy định này lại góp phần nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ của Công ty.

Rủi ro tỷ giá

Trong hoạt động của Công ty, nhiều giao dịch sử dụng đồng ngoại tệ làm phương tiện thanh toán, chủ yếu là đồng USD và nguồn thu chủ yếu của Công ty cũng là ngoại tệ. Do vậy, sự biến động của tỷ giá sẽ ảnh hưởng không lớn tới doanh thu, chi phí và lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam là quốc gia có đường bờ biển dài. Trong chiến lược phát triển kinh tế của mình, Chính phủ Việt Nam khuyến khích phát triển kinh tế biển. Do đó, tất yếu dẫn đến hoạt động đầu tư cảng biển và thành lập các doanh nghiệp vận tải biển. Hiện nay, ngoài Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam còn có nhiều tập đoàn và doanh nghiệp khác có tham gia kinh doanh ngành vận tải biển. Các doanh nghiệp này cũng cạnh tranh quyết liệt với Vinaship. Bên cạnh đó, Công ty cũng phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp vận tải biển quốc tế có ưu thế về công nghệ, thương hiệu và quy mô.

➤ Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, trong quá trình hoạt động của Công ty còn có thể gặp phải những rủi ro như rủi ro về cháy nổ, rủi ro cướp biển, rủi ro thiên tai... Những rủi ro này nếu xảy ra có thể gây những tổn thất to lớn cho Công ty. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty đã và đang thực hiện mua bảo hiểm thường xuyên cho đội tàu và các hoạt động hàng hải liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời liên tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi Bộ luật quốc tế về quản lý an toàn hàng hải (ISM code) phòng ngừa các rủi ro có thể xảy ra.

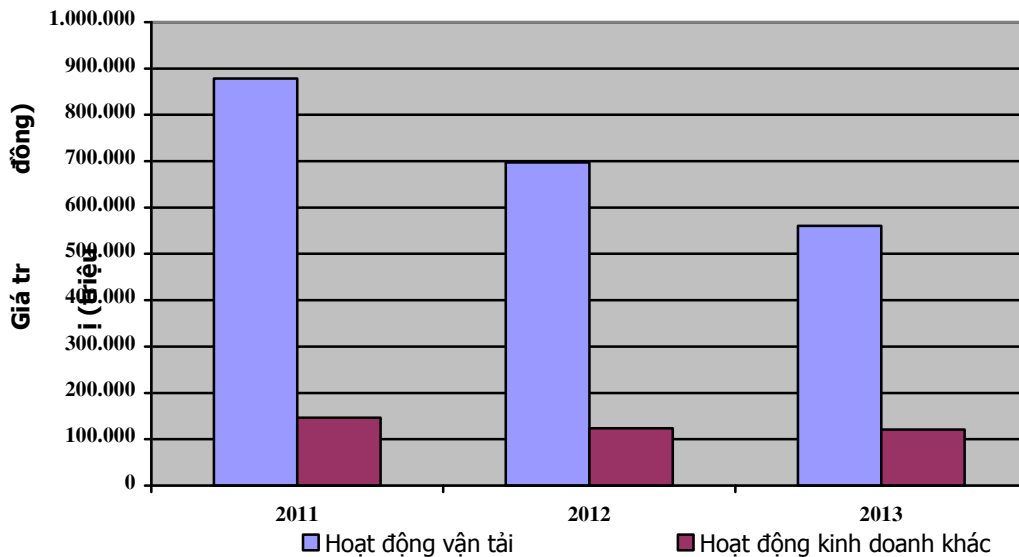
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

➤ Giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 2: Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Sản phẩm	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)
1. Hoạt động vận tải	878.570	85,73	697.214	84,93	560.419	82,23
2. Hoạt động kinh doanh khác	146.207	14,27	123.685	15,07	121.087	17,77
2.1. Dịch vụ hàng container	105.108	10,25	92.095	11,22	94.735	13,9
2.2. Dịch vụ khác	41.099	4,02	31.590	3,85	26.352	3,87
Tổng cộng	1.024.777	100	820.899	100	681.506	100



Biểu đồ 1: Tỷ trọng doanh thu của Công ty qua các năm

Trong năm 2013, ngành vận tải biển thế giới nói chung và vận tải biển Việt Nam nói riêng gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính kéo dài. Qua số liệu thống kê về doanh thu của Vinaship giai đoạn từ 2011 đến nay có thể thấy, doanh thu trong lĩnh vực vận tải biển và tỷ trọng doanh thu của hoạt động vận tải biển trong tổng doanh thu của Công ty năm 2013 là thấp nhất trong vòng 3 năm qua, do những khó khăn chung của ngành vận tải biển, hàng hoá khan hiếm, mặt bằng giá cước thấp, giá nhiên liệu luôn giữ ở mức cao.

➤ **Nguồn nguyên vật liệu**

Dầu nhiên liệu và dầu Diesel là những nguyên liệu chính yếu Công ty sử dụng cho các phương tiện vận tải trong hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải. Nguồn cung ứng các nguyên liệu là các công ty xăng dầu trong nước. Nhìn chung lượng cung cấp nhiên liệu xăng dầu rất ổn định về số lượng và giá cả xăng dầu được thực hiện theo quy định nhà nước. Theo ước tính của Vinaship thì chi phí nhiên liệu chiếm khoảng từ 35% - 40% trong giá thành vận chuyển. Do vậy, khi giá xăng dầu có biến động, sẽ ảnh hưởng lớn tới chi phí kinh doanh và giá thành vận chuyển của Công ty.

Các yếu tố đầu vào khác như sửa chữa tàu biển, cung ứng vật tư, thiết bị hàng hải thường do các xưởng sửa chữa tàu biển chuyên nghiệp, các hãng cung ứng thiết bị, các nhà kinh doanh vật tư hàng hải trong và ngoài nước cung cấp. Nhìn chung, ngoài trừ các vật tư quý

hiếm phải đặt trực tiếp từ các nhà chế tạo nước ngoài, số còn lại đều có thể tìm kiếm trên thị trường trong nước.

➤ **Chi phí sản xuất**

Nhận thức rõ giá nguyên liệu có ảnh hưởng lớn tới giá cước vận tải từ đó ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty, Vinaship đã áp dụng những biện pháp kinh tế và kỹ thuật nhằm quản lý chi phí nguyên liệu một cách hợp lý, tiết kiệm. Cụ thể, Công ty xây dựng định mức tiêu hao phù hợp hơn cho từng tàu, thực hiện kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quy trình cung ứng và sử dụng nhiên liệu trên từng phương tiện so sánh và lựa chọn nguồn cung ứng nguyên liệu trong nước hoặc nước ngoài tùy từng thời kỳ sao cho giá nguyên, nhiên liệu là thấp nhất. Công ty luôn cập nhật thông tin về giá xăng dầu trong khu vực và trên thế giới cũng như các nước mà Công ty có tuyến vận tải. Khi các nước có giá nhiên liệu thấp hơn Việt Nam, tàu sẽ được nạp nhiên liệu tại cảng nước đó khi cập bến và ngược lại. Nhờ những biện pháp tích cực từ phía Công ty trong việc kiểm soát chặt chẽ tác động của biến động giá dầu lên hoạt động kinh doanh, tỷ trọng chi phí nguyên, nhiên vật liệu của Công ty trong giá thành vẫn ở mức độ phù hợp.

Bảng 3: Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

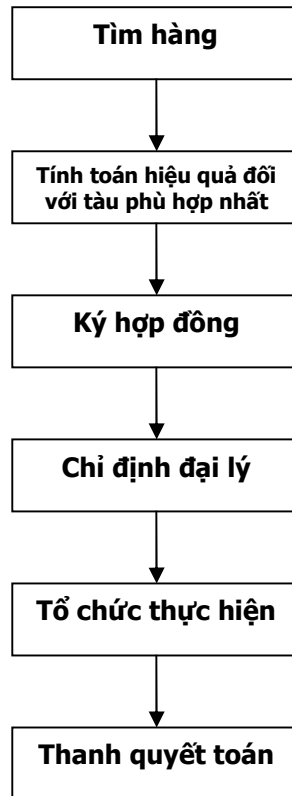
Yếu tố chi phí	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	884.580	86,07	763.138	92,96	679.463	99,7
Chi phí tài chính	129.945	12,64	61.281	7,47	68.541	10,06
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>68.533</i>	<i>6,67</i>	<i>63.636</i>	<i>7,75</i>	<i>58.394</i>	<i>8,57</i>
Chi phí bán hàng	22.167	2,16	21.395	2,61	16.551	2,43
Chi phí quản lý	31.656	3,08	28.169	3,43	26.780	3,93
Chi phí khác	15.915	1,55	2.693	0,33	698	0,1
Tổng chi phí	1.084.263	105,80	876.676	106,8	792.033	116,22
Doanh thu thuần	1.024.777	100	820.899	100	681.506	100

➤ **Trình độ công nghệ**

Quy trình cung cấp dịch vụ

Nhằm cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty thực hiện chuẩn hoá quy trình cung cấp dịch vụ đối với các loại hình dịch vụ của mình.

Quy trình Vận tải biển



Diễn giải:

Trong khai thác tàu, sau khi xác định được nguồn hàng, cần căn cứ vào các yêu cầu về hàng hóa, tuyến hoạt động, phương tiện dự kiến tham gia vận tải, thuyền viên ... để tính toán hiệu quả, xác định lợi nhuận theo phương án khai thác. Việc bố trí tàu cũng cần được thực hiện hợp lý đảm bảo các yêu cầu về quy phạm đăng kiểm và công ước quốc tế liên quan, đồng thời đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng về chất lượng phương tiện (thường là tuổi tàu), trọng tải, mớn nước, thuyền viên ... Việc thanh quyết toán được tiến hành căn cứ vào quy định trong hợp đồng vận tải và tuân thủ thông lệ quốc tế. Thông thường chủ tàu có quyền lưu giữ hàng hóa cho đến khi Người thuê tàu thanh toán đầy đủ cước theo quy định.

Quy trình Đại lý tàu biển:

Diễn giải:

Đại lý tàu biển có nhiệm vụ nhận các yêu cầu của chủ tàu nước ngoài về gom hàng, giao hàng và dàn xếp các công việc phục vụ tàu tại cảng trong thời gian tàu ở Việt Nam (làm thủ tục cho tàu ra vào cảng, xin hoa tiêu, xếp dỡ hàng hoá .v.v.). Đại lý tàu biển được chuyển hàng tại kho, đóng gói hàng, lưu kho, đăng ký hăng tàu (booking), làm thủ tục hải quan, vận chuyển hàng hoá và các công việc khác để giao hàng tại địa điểm nhận theo yêu cầu.

Quy trình Đại lý vận tải Container:

Diễn giải:

Đại lý vận tải Container là loại hình dịch vụ đặc biệt nằm trong hệ thống vận tải Container toàn cầu và khu vực. Đại lý được các công ty vận tải nước ngoài chỉ định làm công việc điều hành hoạt động khai thác vận tải Container, phục vụ các nhà xuất nhập khẩu bằng các tàu chở Container chạy theo lịch trình và tuyến định trước. Đại lý vận tải Container nhận sự uỷ thác của hãng tàu để thu xếp nhận hàng (Booking), tìm hàng, quản lý phương tiện Container, thu xếp tàu chạy nhánh (feeder), tiến hành thủ tục thanh toán với chủ hàng . v.v.

➤ Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với phương châm là luôn đi tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng, Vinaship liên tục tìm kiếm các sản phẩm vận tải mới nhằm tăng tính cạnh tranh. Ngoài hoạt động vận tải biển, Công ty tổ chức kinh doanh các ngành nghề khác như đại lý vận tải nội địa, môi giới hàng hải, xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa và phục vụ vận chuyển Container tại bãi, dịch vụ cung ứng nước ngọt cho tàu tại cảng, đại lý tàu biển, sửa chữa nhỏ tàu biển, cho thuê bãi và kho Container, cho thuê thuyền viên. Những dịch vụ này trước mắt chủ yếu phục vụ Đội tàu Công ty nhằm tạo việc làm và doanh thu cho Công ty. Trong tương lai Công ty sẽ mở rộng và phát triển các hoạt động trên để từng bước hình thành mô hình vận tải khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hóa.

➤ **Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Hiện tại, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn các Bộ luật an toàn hàng hải và an ninh tàu, bến cảng đối với toàn bộ các loại hình dịch vụ mà Công ty đang cung cấp. Việc quản lý chất lượng của Công ty do Ban An toàn đảm trách.

Chính sách chất lượng của Vinaship luôn luôn là cung ứng các dịch vụ với chất lượng cao nhất nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn đặt vấn đề chất lượng lên hàng đầu, đồng thời tuân thủ mọi quy định của Nhà nước.

Để đạt được những điều này, Công ty cam kết:

- Giữ liên hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đảm bảo sản phẩm dịch vụ của mình luôn thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của họ.
- Xem con người là tài sản quan trọng nhất do đó thường xuyên giáo dục, đào tạo để mọi cán bộ, nhân viên trong Công ty có tinh thần tập thể, có kỹ năng cần thiết nhằm không ngừng cải tiến và hoàn thiện về chất lượng công việc của mình.
- Duy trì hệ thống chất lượng luôn phù hợp và có hiệu quả, phát triển sự hợp tác của mọi thành viên trong Công ty đảm bảo tuân thủ mọi yêu cầu của tiêu chuẩn các Bộ luật an toàn hàng hải và an ninh tàu, bến cảng.
- Công ty đề cao vấn đề chất lượng dịch vụ và sản phẩm, coi đó là trọng tâm hàng đầu. Vì thế, Công ty đã đề ra các biện pháp cũng như trang bị các thiết bị hiện đại ứng dụng những công nghệ quản lý tiên tiến nhằm đảm bảo các cam kết với khách hàng về chất lượng dịch vụ theo đúng các tiêu chuẩn quy định trong lĩnh vực vận chuyển giao nhận.
- Công ty cũng tổ chức các lớp học đào tạo và đào tạo lại cho các Sĩ quan thuyền viên do các chuyên gia trong và ngoài nước tập huấn, đồng thời cử các kỹ sư, cán bộ trẻ đi học và tập huấn nước ngoài để nâng cao trình độ quản lý, công tác.

➤ **Hoạt động marketing**

Cùng với công tác quản lý chất lượng, Vinaship cũng hết sức quan tâm đến hoạt động Marketing, đặc biệt khi Vinaship là một doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề. Thực hiện tốt chính sách Marketing góp phần nâng cao vị thế và thương hiệu của Công ty, phân phối các sản phẩm và dịch vụ tới khách hàng một cách tốt nhất, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Vinaship. Nhận thức được điều đó, gần đây, Vinaship cũng quan tâm tới việc xây dựng và quảng bá thương hiệu. Ngoài ra, mỗi phòng ban nghiệp vụ và chi nhánh của Công ty đều có bộ phận Marketing để chăm sóc khách hàng, tiếp cận tìm kiếm khách hàng mới và khách hàng có tiềm năng bằng uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty. Các Trưởng, Phó phòng ban có trách nhiệm đề ra phương hướng, kế hoạch Marketing, đồng thời kiểm tra giám sát việc thực hiện. Công việc chính của bộ phận Marketing là chào bán dịch vụ và nghiên cứu phát triển thị trường. Bao gồm:

❖ *Xác định khách hàng*

- Thực hiện nghiên cứu thị trường, giá cả, xác định tuyến vận tải mạnh, yếu của Công ty.
- Khai thác và tập hợp thông tin về các nhà xuất nhập khẩu để thực hiện khai thác.
- Thường xuyên liên lạc, thăm hỏi khách hàng, khắc phục các điểm chưa phù hợp để phục vụ khách hàng tốt hơn.

❖ *Gặp gỡ khách hàng để xác định những yêu cầu về dịch vụ:*

- Dàn xếp những cuộc tiếp xúc với khách hàng để tìm ra những yêu cầu của họ về dịch vụ như: cước phí, thời gian vận chuyển, cảng đến và những yêu cầu đặc biệt của khách hàng cũng như về chứng từ.
- Xem lại các yêu cầu của khách hàng có phù hợp với chính sách cung cấp dịch vụ của Công ty hay không và chuẩn bị những đề xuất chào bán dịch vụ bao gồm thông tin về nơi nhận hàng, cảng đích, điều khoản mua bán, cước phí, các phụ phí, ngày có hiệu lực, loại hình vận chuyển, tuyến đường, thời gian vận chuyển.

❖ *Chào giá*

- Đàm phán với khách hàng dựa trên tình hình thực tế thị trường, đồng thời luôn xem xét đến yếu tố hợp tác lâu dài đối với khách hàng truyền thống.

❖ *Chính sách cung cấp dịch vụ của Công ty:*

- Khách hàng là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự thành công trong kinh doanh của Công ty.
- Không ngừng thỏa mãn yêu cầu của khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ với giá cạnh tranh bằng cách:
 - Thao tác nghiệp vụ nhanh chóng, chính xác và an toàn.
 - Làm đúng ngay từ đầu.
 - Giao hàng đúng hẹn.
 - Đối với khách hàng là nhà sản xuất (Chủ hàng): tiếp cận, theo dõi, khuyến khích dựa trên chính sách của các hãng tàu.
 - Đối với khách hàng là các hãng tàu: bám sát khâu nước ngoài và dành nhiều chính sách ưu đãi.

➤ **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền**

Từ khi xuất hiện trên thị trường, thương hiệu Vinaship đã tạo được lòng tin đối với khách hàng và là một thương hiệu có uy tín trên thị trường.

Mẫu nhãn hiệu:

VINASHIP

Bộ nhãn hiệu của công ty được đăng ký và bảo vệ theo Quyết định số 17715/QĐ-SHTT ngày 18/8/2009. Thời hạn bảo hộ nhãn hiệu: 10 năm kể từ ngày nộp đơn (30/5/2008)

Các dấu hiệu nhận dạng thương hiệu:

- Màu sắc nhãn hiệu: Xanh lam, trắng, đen
- Loại nhãn hiệu: Thông thường
- Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng

Danh mục các sản phẩm, dịch vụ được mang nhãn hiệu của Công ty:

- Nhóm 35: Mua bán công ten nơ, dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ tuyển dụng và xuất khẩu lao động, đại lý mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa
- Nhóm 36: Dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ cho thuê văn phòng
- Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa tàu biển
- Nhóm 39: Dịch vụ vận tải biển, đại lý tàu biển; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ bảo quản và lưu giữ hàng hóa, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ cho thuê kho bãi

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

➤ Danh sách Ban điều hành

Ban Giám đốc điều hành hiện nay của Công ty gồm có năm (05) thành viên, đứng đầu là Tổng giám đốc, giúp việc Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc. Ban giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Thành viên Ban điều hành Công ty

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
TGD	Vương Ngọc Sơn	23/7/1961	031288529
Phó TGD	Nguyễn Quang Duy	05/6/1963	030633647

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Phó TGD	Mai Xuân Ngoạt	30/12/1957	030767200
Phó TGD	Trần Dũng Chiến	22/02/1962	030188207
Phó TGD	Dương Ngọc Tú	20/10/1976	031065889

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành

1) Ông Vương Ngọc Sơn

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 23/7/1961
 Nơi sinh: Hải Phòng
 Chứng minh nhân dân: 031288529 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 9/24 Lê Quỳnh, Phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1986-1996	Công ty Vận tải biển III	Quản trị tàu biển
1997	Công ty Vận tải biển III	Học nghiệp vụ
1998 – 2006	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng
2007 – 4/2013	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng, ủy viên HĐQT
4/2013 – Nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 21.900 cổ phần
Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 1.800.000 cổ phần

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Vợ	3.100	0,0155
2	Vương Minh Hải	Em	1.300	0,0065

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Nguyễn Quang Duy

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/6/1963

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030633647 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 7/200, Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu thủy

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
7/1987 – 2/1989	Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt Xô	Thợ máy dưới tàu
3/1989 – 6/1996	Công ty Vận tải biển III	Thợ máy
7/1996 – 11/2003	Công ty Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Sỹ quan máy
12/2003 – 1/2006	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ kỹ thuật tại phòng Khoa học kỹ thuật
1/2006 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó trưởng phòng Khoa học kỹ thuật
1/2007 – 6/2009	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó trưởng phòng Vật tư

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
6/2009 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 5.600 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 1.800.000 cổ phần

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Hương Duyên	Vợ	11.000	0,06
2	Nguyễn Quang Sơn	Con	15.000	0,075

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Ông Mai Xuân Ngoạt

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 30/12/1957

Nơi sinh: Thanh Hóa

Chứng minh nhân dân: 030767200 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 35, Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1/1985 – 7/1994	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ Phòng kinh doanh
8/1994 – 11/1996	Công ty Vận tải biển III – Chi nhánh Quảng Ninh	Phó Giám đốc Chi nhánh
12/1996 – 10/1998	Công ty Vận tải biển III – Xí nghiệp Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách	Phó Giám đốc Xí nghiệp
11/1998 – 5/2001	Công ty Vận tải biển III	Trưởng Ban quản lý cải tạo nâng cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
		mặt bằng khu nhà ga hành khách tàu biển Chũ Vẽ
5/2001 – 6/2002	Công ty Vận tải biển III – Xí nghiệp Dịch vụ vận tải	Giám đốc Xí nghiệp
6/2002 – 6/2004	Công ty Vận tải biển III	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Kinh doanh
6/2004 – 7/2006	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng Kinh doanh
2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Xếp dỡ vận tải và dịch vụ

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 78.100 cổ phần
Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 1.800.000 cổ phần

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Mai Quốc Huy	Con	5.000	0,025

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

4) Ông Trần Dũng Chiến

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 22/02/1962
Nơi sinh: Hải Phòng
Chứng minh nhân dân: 030188207 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 7b/136 Nguyễn Đức Cảnh, quận Lê Chân, Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông
Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
5/1985 – 3/1998	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ Phòng kinh doanh
4/1998 – 3/2000	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng Kinh doanh
4/2000 – 6/2002	Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và thương mại	Phó Giám đốc
6/2002 – 7/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Kinh doanh
7/2006 – 7/2013	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng Kinh doanh
7/2013 – Nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ tại tổ chức khác:

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 13.300 cổ phần
Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 0 cổ phần
Những người có liên quan: Không
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

5) Ông Dương Ngọc Tú

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc,
Trưởng Ban quản lý và khai thác Bãi container
Ngày sinh: 20/10/1976
Nơi sinh: Hải Phòng
Chứng minh nhân dân: 031065889 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
Dân tộc: Kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ thường trú: 74/261 Trần Nguyên Hãn, Nghĩa Xá, quận Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
8/1999 -6/ 2006	Công ty vận tải biển III	Cán bộ
7/2006 – 12/2006	Công ty vận tải biển III	Phó phòng Kinh doanh
1/2007 – 2008	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó phòng phụ trách p.Đầu tư – phát triển đội tàu
2008 – 2012	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng Đầu tư – Đối ngoại
2012 – 7/2013	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Trưởng p.Đầu tư đối ngoại, Trưởng Ban quản lý và Khai thác Bãi container
7/2013 – Nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban quản lý và Khai thác Bãi container

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 48.000 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thu Hằng	Vợ	6.730	0,034

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

❖ Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty nên VINASHIP luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 31/12/2013, số lượng cán bộ nhân viên chính thức của Công ty là 934 người

Bảng 4 : Bảng kê tình hình lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2013*Đơn vị tính : Người*

Yếu tố	31/12/2012	31/12/2013
• Số lượng nhân viên	967	934
• Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	8.141.000	7.761.000
Phân theo trình độ chuyên môn		
• Đại học và Trên đại học	350	348
• Cao đẳng, Trung cấp, PTTH, Sơ cấp	617	586
Phân theo thời hạn hợp đồng		
• LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ(GĐ, PGĐ, KTT,CT Đoàn)	-	-
• Hợp đồng không xác định thời hạn	302	862
• Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	587	2
• Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	78	70

✦ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**- Chính sách đào tạo**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng hải. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước... Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập

- Chính sách lương

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Đơn giá tiền lương được xác định dựa vào Tổng quỹ lương (theo quy định của Nhà nước về thang bảng lương, số lượng lao động, mức tối thiểu) và doanh số. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

- Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

- Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty có chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết, cụ thể:

- Các chế độ chống nóng, chống độc hại cho công nhân, lao động phải làm việc trong điều kiện độc hại;
- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên vào các ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, cưới hỏi, ngày lễ tết (Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, 30/4, ngày Quốc tế Lao động 1/5, Quốc khánh 2/9)

- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên trong Công ty tham gia lực lượng vũ trang nhân ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12
- Tổ chức cho các cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát, du lịch hàng năm
- Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các cháu là con của cán bộ công nhân viên trong Công ty nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Rằm Trung thu
- Tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

➤ Tình hình đầu tư

❖ Đầu tư phương tiện năm 2013

Do thị trường chưa thuận lợi và đang khó khăn về vốn, Công ty tiếp tục tạm dừng dự án mua và hoàn thiện đóng mới 01 tàu trọng tải 34.000 DWT. Việc bán tàu già cũ, khai thác không hiệu quả trong năm cũng chưa thực hiện do giá sắt vụn và tàu giải bản xuống thấp nhất và các đơn vị tham gia mua bán tàu cũ cũng gặp khó khăn về nguồn vốn.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính

Bảng 5: Tình hình tài chính Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.311.007.512.189	1.204.826.048.776	-8,10 %
Doanh thu thuần	820.899.220.251	681.506.054.187	-16,98%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(50.862.796.644)	(107.250.965.880)	-110,86%
Lợi nhuận khác	22.571.535.370	(643.935.890)	-102,85%
Lợi nhuận trước thuế	(28.291.261.274)	(107.894.901.770)	-281,37%
Lợi nhuận sau thuế	(28.291.261.274)	(107.894.901.770)	-281,37%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(1.415)	(5.395)	-281,27%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 6: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,36	0,32	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,22	0,21	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,76	0,82	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,16	4,67	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	16,25	18,14	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,63	0,57	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,03	-0,16	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,09	-0,51	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,02	-0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,06	-0,16	

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

➤ **Cổ phần**

Mã chứng khoán:	VNA
Tổng số cổ phần đang lưu hành:	20.000.000 cổ phần
Tổng số cổ phần niêm yết:	20.000.000 cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	20.000.000 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần

➤ **Các dữ liệu thống kê về cổ đông**

❖ **Cổ đông trong nước**

- Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Tại ngày 18/5/2012		Tại ngày 18/4/2013	
		Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	11.033.560	55,17	10.410.370	52,05
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	10.200.000	51	10.200.000	51
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	833.560	4,17	210.370	1,05
2	Cổ đông cá nhân	8.790.430	43,95	9.443.040	47,22

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1. Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội	0106000600	10.200.000	51

❖ **Cổ đông nước ngoài**

- Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Tại ngày 18/5/2012		Tại ngày 18/4/2013	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	108.650	0,54	71.530	0,36
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	108.650	0,54	71.530	0,36
2	Cổ đông cá nhân	67.360	0,34	75.060	0,37

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn: Không có

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000	0	0	200.000.000.000

PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

➤ **Những thuận lợi, khó khăn**

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 của Công ty gặp một số thuận lợi và khó khăn cụ thể như sau:

❖ **Thuận lợi**

- Đội tàu của Công ty đã được cải thiện về chất lượng, tuổi tàu trẻ hơn và trọng tải lớn hơn nên có thể khai thác trên vùng biển quốc tế không hạn chế.

- Chủ trương giãn, khoan nợ, giảm lãi suất cho vay của Chính phủ đối với các khoản vay đầu tư của doanh nghiệp vận tải biển tại các ngân hàng đã phần nào giúp giảm bớt khó khăn về tài chính.

- Nguồn lao động là sỹ quan thuyền viên đã bớt căng thẳng, Công ty có điều kiện để lựa chọn các lao động có năng lực, chuyên môn tốt hơn bố trí trên các con tàu.

- Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao từ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thông qua những người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

❖ **Khó khăn**

Khó khăn khách quan

- Trong năm 2013, vận tải biển thế giới nói chung và vận tải biển Việt Nam nói riêng gặp rất nhiều khó khăn. Các doanh nghiệp vận tải biển tiếp tục chịu ảnh hưởng lớn từ suy thoái sâu và phục hồi kinh tế chậm chạp của các nền kinh tế lớn như Bắc Mỹ, Nhật Bản, EU. Giá cước vận tải biển suy tiếp tục ở mức thấp. Tại thị trường Công ty khai thác truyền thống là Đông Nam Á, mặt hàng gạo xuất khẩu từ Việt Nam đi một số thị trường truyền thống như Philippines, Malaysia, Indonesia trong năm 2013 hầu như rất nhỏ. Bên cạnh đó, khả năng tiếp nhận hàng của chủ hàng bị hạn chế, thời tiết xấu đã làm tăng thời gian tàu phải chờ đợi, phát sinh chi phí cho đội tàu.

- Chi phí phụ tùng vật tư, nguyên nhiên vật liệu đều biến động tăng, đặc biệt là chi phí nhiên liệu. Mặc dù Công ty vẫn bố trí một số tàu cho thuê định hạn (tàu Vinaship Ocean, Vinaship Diamond, Vinaship Sea, Vinaship Pearl, Vinaship Star) nhưng chi phí nhiên liệu tiêu thụ bình quân toàn bộ đội tàu vẫn chiếm tỷ trọng lớn (trên 35%) doanh thu vận tải (với các tàu Công ty tự khai thác, chi phí nhiên liệu chiếm khoảng 42% – 45% doanh thu vận tải).

Khó khăn chủ quan

- Đội tàu hiện có gồm 13 chiếc với tổng trọng tải là 189.680 DWT, trong đó có 3 tàu trên 25 tuổi. Thực trạng đội tàu già và trọng tải nhỏ làm phát sinh các chi phí sửa chữa, khai thác, bảo hiểm, chi phí quản lý ... và hạn chế khả năng cạnh tranh.

- Tàu khai thác định hạn ở những tuyến xa, khả năng cung ứng vật tư trang thiết bị, sửa chữa, bảo dưỡng, duy trì trạng thái tàu, ngăn ngừa để phòng sự cố còn nhiều bất cập dẫn đến việc phát sinh hư hỏng, sự cố kỹ thuật, giảm tốc độ làm ảnh hưởng đến ngày tàu tốt, phát sinh khấu trừ offline từ người thuê định hạn.

- Do kết quả kinh doanh lỗ trong các năm trở lại đây dẫn đến nguồn vốn bị giảm, Công ty phải khắc phục bằng cách huy động vốn vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng và từ CB CNV để bổ sung nguồn vốn lưu động bị thiếu hụt. Việc vay ngắn hạn vốn lưu động khiến chi phí tài chính của Công ty tăng cao.

- Thị trường dịch vụ vận tải gặp khó khăn vì biến động theo thị trường vận tải và ngành sản xuất, quy mô dịch vụ vận tải còn nhỏ nên có khó khăn về cạnh tranh và mở rộng sản xuất.

➤ **Các giải pháp đã áp dụng**

❖ **Khai thác vận tải biển**

Công ty đã áp dụng linh hoạt hình thức cho thuê định hạn kết hợp với khai thác chuyển để có được mức cước tốt cũng như giảm được áp lực về vốn lưu động, giảm chi phí lãi vay, tập trung khai thác các nguồn hàng có mức cước cao để tăng doanh thu đồng thời tiếp tục duy trì thị phần hàng hóa truyền thống. Bên cạnh đó, Công ty cũng làm tốt công tác phục vụ đội tàu

tại các đầu bến, có nhiều biện pháp linh hoạt rút ngắn thời gian xếp dỡ, thời gian quay vòng chuyển đi, nhằm tăng doanh thu, hiệu quả cho đội tàu.

❖ **Quản lý kỹ thuật, sửa chữa**

Phòng KHKT luôn bố trí từ 1 – 2 cán bộ kỹ thuật ở đầu bến phía nam, phục vụ công tác sửa chữa đầu bến đột xuất khi có yêu cầu. Đối với các tàu chạy định hạn tuyến xa, Công ty đã hướng dẫn thuyền viên tự sửa chữa các hạng mục máy, trang thiết bị buồng lái, đường ống cứu hỏa ... Trường hợp phải thuê ngoài sửa chữa, thu xếp các xưởng, đơn vị sửa chữa phù hợp, kết hợp với BCH tàu nghiệm thu khối lượng công việc, chất lượng sửa chữa đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Về sửa chữa định kỳ, năm 2013 Công ty có 4 tàu lên đà sửa định kỳ, gồm Vinaship Ocean (19/4 – 18/6/2013) tại Phà Rừng, Vinaship Gold (19/4 – 10/5/2013) tại Bason, Hà Tiên (26/8 – 15/9/2013) tại Bason và Mỹ Hưng (22/10 – 09/11/2013) tại Ba Son. Trừ tàu Vinaship Ocean, các tàu còn lại đều đảm bảo tiến độ và giá cả sửa chữa. Ngoài ra, bộ phận kỹ thuật còn hỗ trợ khắc phục sự cố mất neo của tàu Bình Phước, xuồng cứu sinh của Vinaship Diamond, nút vành khăn sơ mi số 2 của máy chính tàu Vinaship Sea.

❖ **Quản lý an toàn, ngăn ngừa rủi ro**

Công ty đôn đốc ý thức tuân thủ chức trách thuyền viên duy trì và tăng cường công tác bảo quản, bảo dưỡng để giảm chi phí sửa chữa, ngăn ngừa tổn thất. Trong điều kiện kinh doanh khó khăn và giá nhiên liệu tăng cao như hiện nay, cùng với việc tăng cường công tác giám sát nhận nhiên liệu, vật tư tại các đầu bến, Công ty sẽ cử cán bộ kỹ thuật đi theo tàu để rà soát lại định mức tiêu thụ nhiên liệu, vật tư và cải thiện tình trạng kỹ thuật, tốc độ của tàu. Ước chi phí nhiên liệu của năm 2013 của đội tàu Công ty, FO = 10.356 tấn và 143.606.000.000 đồng, DO = 2.746 tấn và 57.324.000.000 đồng, dầu nhớt LO = 562,5 tấn và 39.031.000.000 đồng. Ước chi phí vật tư cấp cho đội tàu trong năm 2013 là 8.339.072.000 đồng.

Trong điều kiện khó khăn chung hiện nay, các tranh chấp liên quan đến giao nhận hàng hóa, chất lượng hàng hóa vận chuyển, chất lượng vật tư, nhiên liệu cung ứng, cước vận tải ... là rất dễ xảy ra. Công ty đã có các biện pháp quản lý sát sao nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh, cụ thể: nâng cao trình độ và sự cẩn cán của cán bộ thương vụ; nâng cao trình độ, ý thức thuyền viên; có các điều khoản chặt chẽ hơn để ràng buộc trách nhiệm các nhà cung cấp ...

❖ **Dịch vụ hàng hải**

Công ty đẩy mạnh hoạt động khai thác hàng hóa, hoạt động đại lý, dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi và hàng container. Đồng thời áp dụng các biện pháp quản lý chi phí, thu hồi công nợ để tăng hiệu quả.

❖ **Công tác nhân sự, thuyền viên**

Công ty chủ trương xây dựng đội ngũ thuyền viên ổn định về số lượng, đảm bảo về chất

lượng và có kế hoạch từng bước nâng cao chất lượng thuyền viên, đặc biệt là các sỹ quan quản lý bằng các chương trình cập nhật, huấn luyện sát với thực tiễn sản xuất và yêu cầu khách hàng cũng như yêu cầu của các Bộ luật quản lý an toàn chất lượng và an ninh. Nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, sự tuân thủ quy định của các Bộ Luật, Công ước và nội quy của Công ty để vận hành con tàu một cách an toàn và hiệu quả.

❖ Chính sách với người lao động

Công ty tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

➤ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Các chỉ tiêu sản xuất chính

Do những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới nói chung và ngành vận tải biển nói riêng, giá cước biển đang thấp hơn giá thành vận tải dẫn tới thua lỗ, thậm chí phá sản của nhiều doanh nghiệp trong nước và thế giới. Mặc dù HĐQT, Ban điều hành Công ty đã có nhiều biện pháp quản trị, điều hành sát sao và có hiệu quả nhưng cũng chỉ có thể giảm được 1 phần số lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Tóm tắt các chỉ tiêu SXKD chính cụ thể như sau:

Bảng 7: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2013	KH năm 2013 thông qua tại ĐHĐCĐ	Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch
1	Sản lượng vận tải	tấn	2.203.000	2.000.000	110,15%
2	Tổng doanh thu	đồng	681.506.054.187	750.000.000.000	90,87%
	+ Vận tải	-	560.418.335.979	620.000.000.000	90,39%
	+ Dịch vụ & khác	-	121.087.718.208	130.000.000.000	93,14%
3	Lợi nhuận trước thuế	-	-107.894.901.770	-	-
4	Nộp ngân sách	-	35.170.000.000		100%
5	Đầu tư tàu biển (34.000 DWT)	tàu	Tạm dừng dự án	01 tàu	-

❖ Hoạt động dịch vụ

Hoạt động dịch vụ tại 02 Xí nghiệp (Xí nghiệp Xếp dỡ - Vận tải và Dịch vụ; Xí nghiệp Dịch vụ - Vận tải) Và Ban Quản lý và khai thác bãi container có suy giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Doanh thu khối dịch vụ năm 2013 của Xí nghiệp Dịch vụ vận tải ước đạt 88 tỷ đồng, của Xí nghiệp Xếp dỡ - Vận tải và Dịch vụ là 22,71 tỷ đồng, Ban quản lý & khai thác bãi container là

6,38 tỷ đồng. Hiệu quả từ hoạt động của khối dịch vụ tuy không lớn nhưng cũng giúp giảm bớt khoản lỗ từ hoạt động kinh doanh vận tải biển của Công ty trong năm 2013.

❖ Hoạt động đầu tư

Do thị trường chưa thuận lợi và đang khó khăn về vốn, Công ty tiếp tục tạm dừng dự án mua và hoàn thiện đóng mới 01 tàu trọng tải 34.000 DWT. Việc bán tàu già cũ, khai thác không hiệu quả trong năm cũng chưa thực hiện do giá sắt vụn và tàu giải bản xuống thấp và các đơn vị tham gia mua bán tàu cũ cũng gặp khó khăn về nguồn vốn.

❖ Tình hình tài chính

Mặc dù Công ty trong tình trạng thiếu vốn lưu động tuy nhiên vẫn đảm bảo thanh toán kịp thời các chi phí đến hạn, đặc biệt ưu tiên thanh toán chi phí nhiên liệu, vật tư phục vụ cho hoạt động sản xuất được duy trì ổn định.

Trong năm 2013, Công ty đã thanh toán các khoản vay đầu tư là 452.750 USD (~ 9.544.875.500 đồng) và trả lãi vay đội tàu là 1.871.230 USD và 6.784.107.433 đồng. Tiền lãi vay vốn lưu động là 9.978.775.103 đồng.

Tổng dư nợ (dài hạn và ngắn hạn) tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng tính đến 31/12/2013 là 819.807.433.214 đồng (gồm 30.851.412 USD và 169.397.955.311 đồng).

❖ Công tác tiền lương

Tổng số lao động của toàn Công ty ước năm 2013 là 940 người, trong đó khối tàu 305 người, văn phòng 112 người, dự trữ - chờ việc 201 người, 2 Xí nghiệp và Ban quản lý và khai thác bãi container là 179 người. Xét về biến động số lượng, trong năm có 93 lao động biến động giảm và tăng 61 lao động. Trong tình trạng khó khăn chung của các doanh nghiệp vận tải biển, mặc dù Công ty có chậm lương cán bộ công nhân viên nhưng thời gian nợ không quá lâu (khối phòng ban chậm lương khoảng 1 tháng, khối thuyền viên chậm lương khoảng 03 tháng). Với đơn giá tiền lương tạm tính 110 đồng/1000 doanh thu, lương bình quân người lao động toàn Công ty ước đạt 7.740.000 đồng/người-tháng (trong đó khối phươg tiện là 13.520.000 đồng/người-tháng, khối văn phòng 7.850.000 đồng/người-tháng), giảm khoảng 9% so với năm 2012.

Về công tác đào tạo, huấn luyện, đã đổi chứng chỉ hết hạn cho 262 người, tổ chức học sỹ quan quản lý cho 4 thuyền viên, thi sỹ quan vận hành (boong+máy) cho 07 người, huấn luyện nghiệp vụ cho sỹ quan thuyền viên 28 người. Thanh lý hợp đồng lao động đối với sỹ quan thuyền viên và thu phí đào tạo về Công ty với tổng số tiền là 715.100.000 đồng.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng 8: Một số chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
<i>1. Bố trí cơ cấu tài sản</i>	Lần		
+ Tài sản cố định/Tổng tài sản		0,89	0,89
+ Tài sản lưu động/Tổng tài sản		0,09	0,09
<i>2. Khả năng thanh toán</i>	Lần		
+ Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản (Khả năng thanh toán hiện hành)		0,76	0,82
+ <u>Tài sản lưu động – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn (Khả năng thanh toán nhanh)		0,22	0,21
+ Khả năng thanh toán bằng tiền Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn		0,03	0,01
<i>3. Tỷ suất lợi nhuận</i>	%		
+ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		-3,45	-15,83
+ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		-2,16	-8,96
+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ		-14,15	-53,95

3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2014

Dự báo tình hình thị trường vận tải biển quốc tế bắt đầu có dấu hiệu ấm lên, thể hiện qua các chỉ số giá cước biển bắt đầu phục hồi và nhu cầu vận chuyển ngày một tăng. Tuy nhiên, do sự phục hồi kinh tế chậm chạp tại một số đầu tàu như Bắc Mỹ, EU, Nhật Bản và giảm tốc của nền kinh tế Trung Quốc, nhìn chung mức độ phục hồi của thị trường vận tải có thể không thật sự nhanh như mong đợi.

Công ty tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn cả nội tại và khách quan bên ngoài. Trong năm 2014, đội tàu Công ty sẽ có từ 7 tàu lên đà sửa chữa định kỳ. Nguồn vốn lưu động vẫn

tiếp tục đi huy động từ nguồn vay ngắn hạn tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng để duy trì thanh khoản cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013**

Với dự kiến tình hình thị trường, nguồn hàng và năng lực đội tàu như trên, Công ty dự kiến kế hoạch năm 2014 như sau:

- Tổng trọng tải: 189.680 DWT/ 13 chiếc
- Sản lượng: 2.200.000 tấn
- Doanh thu: 725.000.000.000 đồng

Trong đó: + Doanh thu vận tải: 600.000.000.000 đồng

+ Doanh thu khác: 125.000.000.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế: Cân bằng thu chi
- Nộp ngân sách 100% theo quy định
- Đầu tư phát triển: nếu thị trường có chuyển biến thuận lợi Công ty sẽ cố gắng để bán 01-02 tàu cũ không hiệu quả. Tiếp tục tạm dừng dự án mua và hoàn thiện đóng mới 01 tàu 34.000 DWT do thị trường chưa thuận lợi và Công ty đang khó khăn về vốn.

4. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2014

➤ **Kinh doanh, khai thác**

Công ty tiếp tục duy trì thị phần hàng hóa truyền thống trong khu vực như gạo, phân bón, thạch cao, clinker, than ... để đảm bảo nguồn hàng cho đội tàu, đặc biệt là những tàu có trọng tải nhỏ, khả năng khai thác tuyến xa bị hạn chế. Cùng với đó là biện pháp khai thác linh hoạt giữa cho thuê định hạn dài ngày, thuê chuyển và tự khai thác đối với các tàu có trọng tải lớn, tuổi tàu trẻ.

Tăng cường công tác giải phóng tàu để rút ngắn thời gian xếp dỡ, thời gian quay vòng chuyển đi, giảm chi phí ngày tàu và nhằm tăng doanh thu, hiệu quả cho đội tàu.

➤ **Quản lý kỹ thuật, vật tư**

Công ty sẽ tăng cường công tác bảo quản bảo dưỡng để giảm thiểu các hư hỏng đột xuất đối với các tàu, đặc biệt là các tàu lớn, hoạt động trên tuyến xa và cho thuê định hạn.

Tiến hành rà soát lại định mức tiêu thụ nhiên liệu, vật tư đối với tất cả các tàu, kiểm soát chặt chẽ tốc độ chạy tàu nhằm tránh thất thoát về nhiên liệu.

➤ **Dịch vụ**

Dịch vụ là lĩnh vực hoạt động có hiệu quả trong năm 2013, tuy nhiên mức lợi nhuận chưa đạt mức kỳ vọng. Trong năm 2014, Công ty sẽ tập trung các biện pháp khai thác, quản lý để nâng cao hiệu quả dịch vụ forwarding, khai thác bãi container ...

➤ **Công tác nhân sự, thuyền viên**

Công ty tiếp tục chính sách xây dựng đội ngũ thuyền viên ổn định về số lượng, tốt về chất lượng nên sẽ có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại phù hợp với thực tiễn sản xuất và yêu cầu của Bộ luật quản lý an toàn chất lượng và an ninh. Đồng thời, Công ty sẽ tập trung nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, sự tuân thủ quy định của các Bộ Luật, Công ước và nội quy của Công ty để vận hành con tàu một cách an toàn và hiệu quả.

➤ **Công tác khác**

Nếu thị trường có chuyển biến tích cực, Công ty sẽ tính toán phương án bán một số tàu cũ khai thác không hiệu quả đồng thời tăng cường cho thuê định hạn một số tàu sẽ giảm áp lực về vốn và mức lỗ do các tàu cũ sẽ làm giảm mức phải trả lãi vay khoảng 5-7 tỷ đồng và tạo điều kiện cải thiện nguồn vốn 30-35 tỷ đồng.

PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2013

➤ **Tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2013**

Năm 2013 là năm thứ 6, Việt Nam rơi vào trì trệ, tăng trưởng dưới tiềm năng. Đây cũng là giai đoạn bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài nhất, tính từ đầu thập niên 1990 đến nay.

Bước vào năm 2013, tuy tình hình có cải thiện hơn, nhưng về cơ bản nền kinh tế đang đối diện với 4 thách thức ngắn hạn như sau :

Thứ nhất, nguy cơ tái lạm phát cao kèm theo sự trì trệ của thị trường sẽ làm cho tình hình khó khăn thêm. Mặc dù CPI 8 tháng đầu năm 2013 chỉ tăng 3,53% so với tháng 12/2012, nhưng nguy cơ lạm phát vẫn "rình rập" khi mà nguyên nhân bên trong của nền kinh tế chưa được giải quyết.

Thứ hai, tình hình nợ xấu chưa được cải thiện, nên dòng tín dụng vẫn bị tắc nghẽn, nền kinh tế không hấp thụ được vốn. Tình trạng thừa tiền, thiếu vốn còn kéo dài. Khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp vẫn còn khó khăn, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thứ ba, khả năng kéo giảm lãi suất cho vay không nhiều; khó đáp ứng sự mong đợi của doanh nghiệp, do hoạt động kém hiệu quả của doanh nghiệp lẫn hệ thống ngân hàng thương mại. Nếu lạm phát kỳ vọng cả năm là 7%, thì việc kéo giảm lãi suất tiết kiệm tiền gửi có kỳ hạn không còn nhiều dư địa và lãi suất cho vay vẫn còn khá cao, đặc biệt là lãi suất vay trung - dài

hạn. Điều này sẽ không kích thích được các doanh nghiệp đang có thị trường mở rộng đầu tư và vẫn là nguy cơ làm tăng nợ xấu đối với những doanh nghiệp đang nỗ lực phục hồi sản xuất.

Thứ tư, những nỗ lực để làm “ấm” thị trường bất động sản chưa thể mang lại kết quả, nên thanh khoản của thị trường này khó được cải thiện. Gói hỗ trợ lãi suất 30.000 tỷ đồng để hỗ trợ thị trường bất động sản cho đến nay chưa mang lại kết quả đáng kể. Một khi thanh khoản của thị trường bất động sản chưa cải thiện, thì việc xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại cũng sẽ khó khăn.

Cộng với đó là, trong năm 2013 tình hình kinh tế thế giới còn diễn biến thất thường, có tác động bất lợi đối với những nền kinh tế có độ mở lớn như nền kinh tế Việt Nam.

Bên cạnh đó, năm 2013 lại xuất hiện một vấn đề mới có nguy cơ gây bất ổn kinh tế vĩ mô là sự thâm hụt ngân sách do nguồn thu không đạt kế hoạch. Sự thâm hụt ngân sách diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế trì trệ, doanh nghiệp thua lỗ, thị trường bất động sản đóng băng, nhưng chi tiêu công không thể giảm, nên đang trở thành vấn đề nan giải cho bài toán ngân sách năm 2014 và 2015.

➤ Tình hình ngành vận tải biển

Ngành vận tải biển Việt Nam đã phát triển với tốc độ quá nhanh trong những năm qua cả về số lượng tàu, trọng tải tàu và cả về các doanh nghiệp quản lý khai thác vận tải biển, nhưng lại manh mún và phân tán. Sự phát triển quá nóng và phân tán này đã và đang làm cho vận tải biển Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức. Đó là sự dư thừa trọng tải tàu đối với các tàu có trọng tải nhỏ chở hàng khô rời kể cả các tàu chở container trong khi lại thiếu các loại tàu chuyên dùng và tàu có trọng tải lớn. Hàng hóa ít, tàu nhỏ nhiều, các chủ tàu cạnh tranh nhau bằng cách giảm giá cước, chấp nhận cho thanh toán chậm ... , việc này đã khiến cho các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam ngày càng khó khăn thêm, luôn bị các chủ hàng o ép. Ngoài ra, các chủ tàu Việt Nam luôn trong tình trạng khát vốn nghiêm trọng và gặp khó khăn trong việc tìm nguồn nhân lực có năng lực thực sự và có tâm huyết với Ngành, với nghề, kể cả nguồn nhân lực làm công tác quản lý khai thác tàu trong các doanh nghiệp và cả sỹ quan thuyền viên làm việc trên tàu. Một thách thức không nhỏ nữa mà các chủ tàu Việt Nam đang phải đối mặt đó là hàng loạt các công ước quốc tế về hàng hải đã và sẽ có hiệu lực trong tương lai gần như các Phụ lục 3/4/5/6 Công ước MARPOL 73/78; Công ước kiểm soát hệ thống sơn chống hà độc hại 2001 (AFS 2001); Công ước kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn ballast của tàu năm 2004 (BWM 2004); Công ước Lao động hàng hải 2006 (MLC 2006)... Điều này đòi hỏi các chủ tàu phải tăng cường duy tu bảo dưỡng tàu, đầu tư trang thiết bị bổ sung nhằm đáp ứng các yêu cầu của các công ước, dù Việt Nam tham gia hay chưa tham gia các công ước này bởi:

tàu của bất kỳ quốc gia nào khi vào cảng của quốc gia đã phê chuẩn công ước đều phải tuân thủ đầy đủ các quy định của công ước.

➤ **Đánh giá hoạt động của Công ty trong năm 2013**

Trước tình hình kinh tế thế giới và trong nước diễn biến hết sức phức tạp, nguồn hàng hóa chuyên chở trở nên khan hiếm, giá cước liên tục sụt giảm, giá nguyên nhiên liệu không ổn định cùng với sự cạnh tranh của rất nhiều các công ty vận tải biển khác trong nước, trong khu vực và trên thế giới, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013 vừa qua gặp rất nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị Công ty đã tập trung chỉ đạo quyết liệt và nỗ lực phấn đấu để đảm bảo nguồn hàng cho đội tàu, tiết giảm chi phí tối đa để giảm lỗ tới mức thấp nhất và giữ doanh nghiệp ổn định:

- Tổng doanh thu: 681.506.054.187
- Lợi nhuận trước thuế: (107.894.901.770)
- Nộp ngân sách: 35.170.000.000 đồng
- Bảo đảm được mức lương của CBCNV và thuyền viên theo mặt bằng chung của ngành.

Bảng 8 : Giá trị số sách tại ngày 31/12/2013

Tài sản (đồng)			Nguồn vốn (đồng)		
Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013	Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản ngắn hạn	115.626.805.040	120.448.082.630	Nợ phải trả	992.420.564.204	996.106.735.172
Tài sản dài hạn	1.089.199.243.736	1.190.559.429.559	Vốn CSH	212.405.484.572	314.900.777.017
Tổng cộng	1.204.826.048.776	1.311.007.512.189	Tổng cộng	1.204.826.048.776	1.311.007.512.189

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2013

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban giám đốc thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị đột xuất. Kết thúc năm 2013, Hội đồng quản trị đánh giá Ban giám đốc về cơ bản đã thực hiện với nỗ lực

và quyết tâm cao các Nghị quyết và quyết định do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

3. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2014

➤ Triển vọng và kế hoạch trong thời gian tới

Kinh tế thế giới được dự báo sẽ hồi phục trong năm 2014. Tuy nhiên, ngoài những rủi ro hiện hữu thì cũng đã xuất hiện những rủi ro mới tác động đến kinh tế các nước. Bài viết điếm qua tình hình kinh tế thế giới trong năm 2013, những dự báo cho năm 2014 và những tác động của xu hướng mới đến kinh tế Việt Nam

Triển vọng trong ngắn hạn, kinh tế thế giới sẽ đối mặt với nguy cơ thắt chặt các điều kiện tài chính toàn cầu từ việc thu hẹp gói nới lỏng định lượng năm 2014. Trong trung hạn, nguy cơ nợ công vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại tại các nước phát triển.

Tăng trưởng các nước phát triển tại Khu vực đồng Euro (Eurozone) và Nhật Bản có xu hướng phục hồi trong nửa cuối năm 2013, trong khi kinh tế Mỹ vẫn tiếp tục tăng trưởng chậm. Tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2013 chậm hơn so với 2012 do lực cản đến từ việc củng cố tài khóa nhưng được dự báo sẽ phục hồi mạnh trong năm 2014.

Kinh tế Trung Quốc có dấu hiệu hồi phục trong năm 2013, tuy nhiên, có thể chậm lại trong năm 2014. Nguyên nhân chính là do chương trình mở rộng tín dụng có thể không bền vững trong dài hạn

Kinh tế ASEAN có xu hướng tăng trưởng chậm trong năm 2013.

Thương mại toàn cầu có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại: Thương mại toàn cầu có thể hồi phục vào năm 2014, tuy nhiên, vẫn thấp hơn mức trung bình 5,4% của cả giai đoạn 1982 - 2012. Theo đó, WTO dự báo tăng trưởng thương mại toàn cầu năm 2014 tăng 4,5% do các cú sốc về kinh tế vĩ mô và xuất hiện nhiều hình thức bảo hộ thương mại mới.

Những thách thức đối với kinh tế thế giới: Kinh tế thế giới được dự báo sẽ hồi phục trong năm 2014, tuy nhiên ngoài những rủi ro hiện hữu thì cũng đã xuất hiện những rủi ro mới tác động đến kinh tế các nước và khu vực thông qua hai kênh truyền dẫn chủ yếu là thương mại quốc tế và tài chính quốc tế. Điều này đặt ra những thách thức trong ngắn hạn và dài hạn đòi hỏi các quốc gia cần có những phản ứng chính sách phù hợp để đối phó:

Một là, nếu các thỏa thuận về mức trần nợ công của Mỹ không đạt được trong năm 2014, nền kinh tế Mỹ sẽ tiếp tục lâm vào cuộc khủng hoảng mới. Trong ngắn hạn, nếu tiếp tục những bất đồng dẫn đến việc đóng cửa Chính phủ lâu hơn sẽ tạo ra tác động xấu tới nền kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế toàn cầu.

Hai là, rủi ro về khả năng thu hẹp dần các chương trình kích thích tiền tệ của Mỹ trong thời gian tới. Theo đó, khu vực Đông Á- Thái Bình Dương cần phải sẵn sàng đối phó với sự gia tăng lãi suất từ các nền kinh tế phát triển. Dự kiến, với tốc độ nới lỏng định lượng của gói QE3 như hiện tại thì đến năm 2015, Mỹ sẽ đạt được mục tiêu đưa tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống còn 6,5%, khi đó nhiều khả năng Mỹ sẽ thu hẹp gói nới lỏng định lượng dẫn đến việc tăng lãi suất. Dòng vốn khi đó sẽ đảo chiều ra khỏi các quốc gia mới nổi và đang phát triển để quay trở lại các nước phát triển hưởng lãi suất cao hơn.

Ba là, vấn đề nợ công châu Âu chưa thể được giải quyết trong trung và dài hạn gây khó khăn cho tăng trưởng toàn cầu. Dư địa chính sách tài khóa không nhiều nên có khả năng gây khó khăn trong nỗ lực thúc đẩy tăng trưởng của khu vực và thách thức đối với tăng trưởng kinh tế thế giới. Mục tiêu củng cố tài khóa cũng đồng nghĩa với việc các nước phát triển sẽ có những động thái cải cách thuế gây ảnh hưởng trực tiếp đến các quốc gia khác qua kênh trao đổi thương mại hàng hóa với thị trường các nước khác. Ngoài ra, nguy cơ từ tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế Trung Quốc trong các năm sắp tới có thể tác động tiêu cực đến các nước xuất khẩu sang thị trường này.

Bốn là, tỷ lệ thất nghiệp liên tục ở mức cao, đặc biệt ở các nước phát triển, vẫn là thách thức chính sách trong trung và dài hạn bởi thất nghiệp cao tạo gánh nặng cho xã hội khi mà chính phủ phải chi một khoản không nhỏ cho các vấn đề an sinh - xã hội và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Tác động đến Việt Nam

Các tổ chức đều dự báo kinh tế Việt Nam sẽ có dấu hiệu phục hồi trong năm 2014, cụ thể IMF và WB cùng đưa ra mức dự báo tăng trưởng đạt 5,4%, ADB dự báo 5,5% (mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2012). Đà tăng trưởng xuất khẩu trong năm 2013 cùng bước tiến trong việc thực hiện các biện pháp ổn định kinh tế vĩ mô và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ là hai trong số những nguyên nhân chính khiến các tổ chức quốc tế nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2014.

ADB hạ dự báo lạm phát của Việt Nam trong năm 2014 xuống mức 7,2% (giảm 1% so với dự báo tháng 7/2013) do giá một số mặt hàng đã được kiểm soát và diễn biến ổn định. Theo ADB, chính sách tiền tệ có xu hướng nới lỏng có thể kích thích lạm phát tăng nhệch trở lại trong năm 2014. Trong khi đó, IMF điều chỉnh tăng dự báo lạm phát cho cả năm 2014 lên mức 7,9% (tăng 0,5% so với dự báo tháng 7/2013).

Những biến động và thách thức của kinh tế toàn cầu đã và đang tác động đến Việt Nam trên các kênh chủ yếu sau:

Thứ nhất, trong năm 2014, việc Mỹ điều hành chính sách tiền tệ bằng công cụ lãi suất có thể gây tác động nhất định đến thị trường tài chính ngân hàng của Việt Nam. Với tỷ giá trong nước được khống chế bằng biên độ cố định, việc tăng lãi suất bằng USD có thể làm tăng lãi suất điều hành đồng nội tệ trong ngắn hạn. Trong điều kiện Ngân hàng Nhà nước đang thực hiện những biện pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp thì việc tăng lãi suất có thể có tác động tiêu cực đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

Ngoài ra, theo IMF, các nước châu Á trong đó có Việt Nam sẽ chịu ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh lãi suất của Mỹ. Thêm vào đó, việc tăng lãi suất của FED sẽ tạo hiệu ứng rủi ro rút vốn gián tiếp trong ngắn hạn và vốn trực tiếp trong dài hạn ra khỏi các nước mới nổi và đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Do đó, cần có biện pháp chủ động, linh hoạt hơn trong điều hành chính sách tỷ giá và lãi suất, nhằm ứng phó với các cú sốc về phản ứng chính sách tiền tệ từ Mỹ.

Thứ hai, trước thực tế kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường phát triển và mới nổi (đặc biệt là Mỹ) ngày càng tăng trong thời gian qua, Việt Nam có thể chịu nhiều ảnh hưởng từ việc điều chỉnh chính sách tài khóa của Mỹ. Nợ công vẫn tăng trong các năm tới (theo dự báo của các tổ chức) làm gia tăng khả năng thắt chặt tài khóa hơn nữa (thông qua các biện pháp tăng thuế) sẽ tác động trực tiếp lên cầu hàng hóa nhập khẩu tại các nước phát triển. IMF đã cảnh báo về nguy cơ truyền dẫn rủi ro tài khóa thông qua kênh thương mại quốc tế từ các nước phát triển như Mỹ và Eurozone sang các nước đang phát triển châu Á, trong đó có Việt Nam. Tương tự, các nước mới nổi (trong đó có Ấn Độ) đang tiến hành điều chỉnh tăng giá một số hàng hóa như thực phẩm (mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam) cũng sẽ gây khó khăn nhất định đến việc tiêu thụ hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam tại các thị trường này.

Thứ ba, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm lại có thể làm giảm kim ngạch xuất khẩu của nước ta trong những năm tới. Kim ngạch xuất khẩu giảm sẽ gây ra rủi ro đối với cán cân thanh toán, giảm dự trữ ngoại tệ và tác động tới chính sách điều hành tỷ giá, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Xu hướng tạo dựng hàng rào bảo hộ thương mại là nguyên nhân khiến tăng trưởng thương mại toàn cầu có dấu hiệu chậm lại trong năm 2013 và có thể chậm hơn trong các năm tới.

➤ **Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2014**

- Tiếp tục nâng cao chất lượng trong công tác quản lý giám sát;
- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013;

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2014 đạt hiệu quả;
- Nhằm bắt kịp thời tình hình phát triển kinh tế trong nước và quốc tế, những chính sách vĩ mô của Nhà nước và Chính phủ để điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho công tác quản lý điều hành, hạn chế những rủi ro cho Công ty;
- Quan tâm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông, quyền lợi và thu nhập của người lao động trong Công ty;
- Tổ chức các phiên họp định kỳ để phân tích các báo cáo, giải quyết kiến nghị của Ban giám đốc, thảo luận thông qua các phương án, dự án và các chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Thảo luận các phương án, kế hoạch, chiến lược phát triển trong thời gian tới của Công ty;
- Nghiên cứu phương án đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành nhằm đạt được kết quả kinh doanh cao nhất.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

- Trong năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 12 phiên họp để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, xem xét và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư ...

- Thành phần Hội đồng quản trị

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Chủ tịch	Đỗ Văn Hội	06/02/1954	030840161

Phó Chủ tịch	Vương Ngọc Sơn	23/7/1961	031288529
Ủy viên	Mai Xuân Ngoạt	30/12/1957	030767200
Ủy viên	Nguyễn Quang Duy	05/6/1963	030633647
Ủy viên	Phạm Văn Toàn	20/6/1961	030640587
Ủy viên	Dương Ngọc Tú	20/10/1976	031065889

▪ **Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị**

1) Ông Đỗ Văn Hội

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 06/02/1954
 Nơi sinh: Hải Phòng
 Chứng minh nhân dân: 030840161 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 132/165 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác tàu thủy
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
12/1979 – 8/1984	Lữ đoàn 171 Bộ Tư lệnh Hải quân	Bộ đội Hải quân, Thiếu úy, Trung úy
9/1984 – 1/1998	Công ty Vận tải biển III	Thợ máy
2/1998 – 6/1999	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng Khoa học kỹ thuật
7/1999 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó Tổng Giám đốc
1/2007 – 5/2009	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc
5/2009 – nay	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : 32.500 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 4.800.000 cổ phần (24% Vốn điều lệ)
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Những người có liên quan: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Vương Ngọc Sơn: (Như đã trình bày ở trên)

3) Ông Mai Xuân Ngoạt: (Như đã trình bày ở trên)

4) Ông Nguyễn Quang Duy: (Như đã trình bày ở trên)

5) Ông Phạm Văn Toàn

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, trưởng phòng TCCB-LĐ
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 20/6/1961
Nơi sinh: Hải Phòng
Chứng minh nhân dân: 030640587 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 5/2 Lương Văn Can, Ngô Quyền, Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư lái tàu biển
Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
3/1986 – 8/1987	Công ty vận tải biển III	Thủy thủ tàu biển
1988 - 1997	Công ty vận tải biển III	Sỹ quan boong
1997 – 3/2010	Công ty vận tải biển III	Thuyền trưởng
3/2010 – 2012	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng TCCB – LĐ
2012 - nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng TCCB – LĐ

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 35.000 cổ phần
Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần
Những người có liên quan: Không
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

6) Ông Dương Ngọc Tú: (Như đã trình bày ở trên)

➤ Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013

Năm 2013 là năm đầy khó khăn và thách thức đối với Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship, trước những diễn biến không thuận lợi của tình hình kinh tế trong và ngoài nước, với mục tiêu chiến lược đã được xác định, với vai trò hết sức quan trọng là đại diện cho cổ đông VINASHIP, Hội đồng quản trị Công ty đã cố gắng nỗ lực vượt lên những khó khăn, thách thức với một quyết tâm cao độ nhằm giữ ổn định và phát triển được doanh nghiệp.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013, Hội đồng quản trị VINASHIP đã tổ chức nghiêm túc họp định kỳ đánh giá tình hình theo Quý và Ban hành các Nghị quyết cụ thể để định hướng Ban điều hành triển khai quyết liệt mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Bám sát các chỉ tiêu Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị để theo dõi chặt chẽ các hoạt động của Công ty, vạch ra phương án, kế hoạch và giao cho Ban điều hành thực hiện triển khai
- Trong năm 2013 đã tổ chức tổng cộng 12 phiên họp định kỳ và bất thường để xem xét và giải quyết các công việc chính như sau:
 - Tổng kết và đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012.
 - Xây dựng chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, lập kế hoạch năm 2013, nghiên cứu sửa đổi Điều lệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Sơ kết kết quả sản xuất kinh doanh các quý trong năm 2013.
 - Thực hiện công tác nhân sự, xét miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ quản lý Công ty.
 - Giám sát và phê chuẩn các hợp đồng tín dụng, phương án cơ cấu tài chính Công ty.
 - Xây dựng và giao đơn giá tiền lương năm 2013.
 - Xây dựng các phương án mở rộng thị trường vận tải và thúc đẩy các hoạt động sản xuất dịch vụ. Theo dõi biến động thị trường để chỉ đạo Ban giám đốc điều hành khai thác tàu phù hợp.
 - Chỉ đạo và giám sát Ban giám đốc thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí, giám sát đơn giá sửa chữa đội tàu, bố trí sửa chữa đội tàu một cách hợp lý, khoa học để khai thác tối đa ngày vận doanh của tàu.

- Chỉ đạo Ban giám đốc xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ nhân lực.
- Chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện đúng các biện pháp phòng ngừa rủi ro, an toàn an ninh theo quy trình Bộ luật quản lý an toàn, an ninh (ISM & ISPS Code).

Trong tất cả các phiên họp đều có sự tham dự của các thành viên Ban kiểm soát. Các quyết định về chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh thông qua tại các phiên họp hoặc qua thư tín đều nhận được sự nhất trí của các thành viên tham dự cuộc họp. Các nghị quyết thông qua đều được Hội đồng quản trị ủy nhiệm cho Ban điều hành thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị.

➤ **Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc**

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc tổng hợp báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng và hàng quý; tổ chức các phiên họp định kỳ (hàng quý) để tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, phân tích thị trường và lập kế hoạch cho quý tiếp theo và tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các vấn đề phát sinh; theo dõi và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí.

Về cơ bản các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được Ban giám đốc triển khai với nỗ lực và quyết tâm cao.

2. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

- Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Trưởng ban	Tô Hanh	5/12/1954	030878030
Thành viên	Đình Huy Dũng	16/9/1960	031510165
Thành viên	Trần Thị Kim Lan	22/10/1962	030168425

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

1) Ông Tô Hanh

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát, Phó phòng Kinh doanh
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 05/12/1954
 Nơi sinh: Vĩnh Phúc
 Chứng minh nhân dân: 030878030 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 10/44, Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
4/1979 – 1/1986	Công ty Vận tải đường sông 204 Hà Nội	Cán bộ điều động
2/1986 – 10/1989	Tổng Cục đường biển	Cán bộ đối ngoại
11/1989 – 6/1994	Công ty Vận tải biển III	Quản trị
7/1994 – 1/2001	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ Phòng Kinh doanh
1/2001 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Kinh doanh
1/2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng ban kiểm soát, Phó phòng Kinh doanh

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : 13.300 cổ phần
 Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Thị Trúc	Vợ	10.000	0,05

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Đinh Huy Dũng

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát, Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/9/1960

Nơi sinh: Hải Dương

Chứng minh nhân dân: 031510165 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 4/14/87, Nguyễn Công Trứ, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
6/1989 – 01/2001	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ
02/2001 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động
01/2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 11.400 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Bà Trần Thị Kim Lan

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 22/01/1962

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030168425 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 1, Khu tập thể Cảng 2, Lê Lợi, phường Máy Tơ, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1985 – 1997	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ thương vụ Phòng Kinh doanh
4/1997 – 5/2001	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Tài chính Kế toán
5/2001 – nay	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	Trưởng phòng Kế toán
2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên Ban kiểm soát
5/2008 – nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải	Ủy viên HĐQT

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ **Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty**

▪ Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình, quá trình hoạt động của Ban kiểm soát luôn tuân thủ đúng Điều lệ, quy chế quản lý của Công ty.

▪ Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị.

▪ Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm soát các hoạt động và việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.

▪ Ban kiểm soát thực hiện soát xét, kiểm tra và thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY

▪ Duy trì Công bố thông tin đúng quy định, tăng cường thông tin hai chiều và minh bạch với nhà đầu tư.

- Xây dựng cơ cấu quản lý Công ty gọn nhẹ và hiệu quả.
- Thường xuyên trao đổi với Ban Kiểm soát về mọi vấn đề trong tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Thường xuyên cải tiến chính sách ưu đãi với cán bộ công nhân viên nhằm tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả hoạt động và doanh thu cho Công ty.

4. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2013

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 28/6/2013 và Biên bản họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty, năm 2013 Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là: 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*), trong đó :

- Tổng tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị là : 282.000.000 đ
- Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát là : 48.000.000 đ
- Trích quỹ HDQT năm 2013 là : 0

5. TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ (TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2013)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2012		Năm 2013	
			Số cp	Tỷ trọng	Số cp	Tỷ trọng
Hội đồng quản trị						
1	Đỗ Văn Hội	Chủ tịch	32.500	0,16%	32.500	0,16%
2	Vương Ngọc Sơn	P.Chủ tịch	21.900	0,11%	21.900	0,11%
3	Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên	78.100	0,39%	78.100	0,39%
4	Nguyễn Quang Duy	Ủy viên	5.600	0,03%	5.600	0,03%
5	Phạm Văn Toàn	Ủy viên	35.000	0,18%	35.000	0,18%
6	Dương Ngọc Tú	Ủy viên	5.080	0,03%	48.000	0,24%
Ban giám đốc						
1	Vương Ngọc Sơn	Tổng GD	21.900	0,11%	21.900	0,11%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

2	Mai Xuân Ngoạt	P.Tổng GD	78.100	0,39%	78.100	0,39%
3	Nguyễn Quang Duy	P.Tổng GD	5.600	0,03%	5.600	0,03%
4	Dương Ngọc Tú	P.Tổng GD	5.080	0,03%	48.000	0,24%
5	Trần Dũng Chiến	P.Tổng GD	13.300	0,07%	13.300	0,07%
Ban Kiểm soát						
1	Tô Hanh	Trưởng ban	13.300	0,07%	13.300	0,07%
2	Đình Huy Dũng	Ủy viên	11.400	0,06%	11.400	0,06%
3	Trần Thị Kim Lan	Ủy viên	10.000	0,05%	8.970	0,045%

6. THÔNG TIN VỀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN CỔ ĐÔNG NỘI BỘ : Không có

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán
Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84-4 38241990/1
Fax: +84-4 38253973
Website: www.aasc.com.vn
- Ý kiến kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Công ty TNHH Deloitte Việt Nam tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục

kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính và tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán sau đây:

" Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau: Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã lập Báo cáo tài chính dựa trên giả định hoạt động liên tục như đã được trình bày tại Thuyết minh số 1.4 –"Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính" trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo."

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

2. Kiểm toán nội bộ: không có

3. Báo cáo tài chính (kèm theo)

**CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK tp.HCM
- Lưu ...

Đỗ Văn Hội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-37



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 04 tháng 07 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Văn Hội	Chủ tịch	
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03/07/2013
Ông Cao Minh Tuấn	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 10/06/2013
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên	
Ông Dương Ngọc Tú	Ủy viên	
Ông Nguyễn Quang Duy	Ủy viên	
Ông Mai Xuân Ngọt	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vương Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/07/2013
Ông Cao Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/06/2013
Ông Trần Dũng Chiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/07/2013
Ông Dương Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/07/2013
Ông Mai Xuân Ngọt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Tô Hanh	Trưởng ban
Ông Đinh Huy Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Lan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Vương Ngọc Sơn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship được lập ngày 20 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần lưu ý

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau: Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã lập Báo cáo tài chính dựa trên giả định hoạt động liên tục như đã được trình bày tại Thuyết minh số 1.4 - "Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính" trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Kiểm toán viên

Lê Đức Minh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		115.626.805.040	120.448.082.630
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.536.508.000	8.446.244.168
111	1. Tiền		4.536.508.000	8.446.244.168
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		52.586.403.723	52.333.408.774
131	1. Phải thu của khách hàng		41.277.289.269	39.029.600.921
132	2. Trả trước cho người bán		42.180.667	3.056.445.073
135	5. Các khoản phải thu khác	4	11.665.133.225	11.288.923.279
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(398.199.438)	(1.041.560.499)
140	IV. Hàng tồn kho	5	37.450.420.935	46.971.108.019
141	1. Hàng tồn kho		37.450.420.935	46.971.108.019
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21.053.472.382	12.697.321.669
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	1.644.545.182	2.233.453.581
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.034.266.109	4.252.169.885
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	8.374.144.917	1.117.405
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	6.000.516.174	6.210.580.798
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.089.199.243.736	1.190.559.429.559
220	II. Tài sản cố định		1.073.736.430.036	1.172.701.229.542
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.073.673.387.795	1.172.587.668.598
222	- Nguyên giá		1.755.942.819.399	1.756.342.921.978
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(682.269.431.604)	(583.755.253.380)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	38.722.241	103.560.944
228	- Nguyên giá		238.654.500	291.699.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(199.932.259)	(188.138.556)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	24.320.000	10.000.000
240	III. Bất động sản đầu tư	12	-	-
241	- Nguyên giá		5.785.803.477	5.812.037.477
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.785.803.477)	(5.812.037.477)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	15.462.813.700	13.933.877.295
258	3. Đầu tư dài hạn khác		22.280.507.645	22.280.507.645
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.817.693.945)	(8.346.630.350)
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	3.924.322.722
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	3.924.322.722
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.204.826.048.776	1.311.007.512.189

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		992.420.564.204	996.106.735.172
310	I. Nợ ngắn hạn		366.747.610.897	337.653.254.772
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	189.824.247.704	158.000.038.478
312	2. Phải trả người bán		82.212.365.629	86.993.085.908
313	3. Người mua trả tiền trước		2.251.745.901	3.331.209.516
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.447.300.073	1.632.546.755
315	5. Phải trả người lao động		24.727.188.287	30.043.683.039
316	6. Chi phí phải trả	16	5.276.698.886	14.101.191.366
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	52.713.180.317	37.590.450.610
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.294.884.100	5.961.049.100
330	II. Nợ dài hạn		625.672.953.307	658.453.480.400
333	3. Phải trả dài hạn khác		422.175.634	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	625.238.050.400	658.453.480.400
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		12.727.273	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		212.405.484.572	314.900.777.017
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	212.405.484.572	314.900.777.017
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		71.609.059.675	71.609.059.675
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		11.323.662.179	11.323.662.179
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(70.527.237.282)	31.968.055.163
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.204.826.048.776	1.311.007.512.189

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
4. Nợ khó đòi đã xử lý		303.509.700	303.509.700
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		39.159,68	119.942,11
- Đồng Euro (EUR)		-	648,49
- Đồng Yên Nhật (JPY)		-	0,28

Người lập



Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Vương Ngọc Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	681.506.054.187	820.899.220.251
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		681.506.054.187	820.899.220.251
11	4. Giá vốn hàng bán	21	679.463.003.835	763.138.407.840
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.043.050.352	57.760.812.411
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.579.207.722	2.222.742.699
22	7. Chi phí tài chính	23	68.541.593.591	61.281.086.027
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		58.394.759.750	63.636.066.314
24	8. Chi phí bán hàng	24	16.551.574.581	21.395.432.622
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26.780.055.782	28.169.833.105
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(107.250.965.880)	(50.862.796.644)
31	11. Thu nhập khác	26	54.216.507	25.265.112.942
32	12. Chi phí khác	27	698.152.397	2.693.577.572
40	13. Lợi nhuận khác		(643.935.890)	22.571.535.370
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(107.894.901.770)	(28.291.261.274)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(107.894.901.770)	(28.291.261.274)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	(5.395)	(1.415)

Người lập

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

Nguyễn Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Vương Ngọc Sơn



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		694.254.715.832	829.351.312.980
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(545.478.375.908)	(676.726.846.652)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(85.623.075.096)	(90.140.987.486)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(43.454.466.771)	(57.723.388.981)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(2.354.258.025)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		46.694.229.539	58.203.203.815
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(59.967.620.157)	(65.256.334.409)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>6.425.407.439</i>	<i>(4.647.298.758)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(713.499.327)	(1.046.293.250)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		50.100.000	25.911.869.380
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		936.969.146	628.007.793
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>273.569.819</i>	<i>25.493.583.923</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		428.244.500.764	373.066.393.316
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(438.882.328.681)	(409.418.703.442)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.805.000)	(131.735.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(10.646.632.917)</i>	<i>(36.484.045.126)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(3.947.655.659)</i>	<i>(15.637.759.961)</i>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		8.446.244.168	24.001.367.612
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		37.919.491	82.636.517
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>4.536.508.000</u>	<u>8.446.244.168</u>

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập

Kê toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Vương Ngọc Sơn



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1 . THÔNG TIN CHUNG**1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 04 tháng 07 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Xí nghiệp dịch vụ vận tải	Hải Phòng	Xếp dỡ, đại lý giao nhận, vận chuyển container và các hàng hóa khác, ...
Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ	Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ, thu gom hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa, ...

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hòa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Dịch vụ hợp tác lao động);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Cho thuê văn phòng);

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác (Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển);
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (không bao gồm đại lý hàng hóa bảo hiểm, chứng khoán, môi giới bảo hiểm, chứng khoán, tài chính, bất động sản);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

1.4 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2013, nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 251.120.805.857 đồng (tại 31/12/2012 là 217.205.172.142 đồng). Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty, Ban Giám đốc đang làm việc với các ngân hàng để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ của các khoản vay dài hạn để mua, đóng mới tàu biển theo Quyết định số 276/QĐ-Tt ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015. Theo quyết định này, Chính phủ chỉ đạo các Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Bộ kế hoạch đầu tư, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng hỗ trợ, giúp đỡ giải quyết các khó khăn hiện tại của doanh nghiệp như cơ cấu lại các khoản vay theo hướng khoan nợ gốc và miễn, giảm lãi vay. Tổng công ty Hàng hải Việt Nam cũng chỉ đạo các doanh nghiệp thành viên làm việc với các ngân hàng thực hiện cơ cấu các khoản nợ vay như trên. Mặt khác, theo Nghị quyết 02/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, Công ty đang có kế hoạch bán từ 01 đến 02 tàu cũ khai thác không hiệu quả (Hà Tiên, Hà Nam) để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	04 - 20	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06	năm

Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh vào chi phí sản xuất kinh doanh.
- Thay đổi thời gian trích khấu hao đối với một số tài sản dẫn tới chi phí khấu hao trong kỳ giảm so với khấu hao cùng kỳ năm 2012 với số tiền là 5.864.369.349 đồng.

2.9 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
--------------------------	---------	-----

2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Trong năm, Công ty nhận được Công văn trả lời số 562/CT-TT&HT ngày 04/05/2013 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng về những ưu đãi Công ty được hưởng, theo đó:

1. Ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập có được thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty do Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước:

- Ưu đãi thuế suất thuế TNDN: Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 20% từ năm 2007 đến năm 2016.
- Ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN: Công ty được miễn 02 năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp 03 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011).

Các khoản thu nhập không thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty thì không được ưu đãi thuế TNDN (gồm ưu đãi thuế suất và ưu đãi miễn thuế, giảm thuế).

2. Ưu đãi thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ thanh lý tàu biển (tài sản cố định được sử dụng để vận tải biển thuộc ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty): Công ty phát sinh thu nhập là thanh lý tàu biển (là tài sản cố định được sử dụng để vận tải biển thuộc ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh được ưu đãi) thì được hưởng ưu đãi như mục 1 nếu Công ty thực hiện trích khấu hao cao hơn mức tối thiểu và hạch toán sửa chữa tàu vào chi phí hợp lý khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	902.033.040	263.828.000
Tiền gửi ngân hàng	3.634.474.960	8.182.416.168
	4.536.508.000	8.446.244.168

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	361.587.100
Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
Phải thu tiền chi hộ Công ty Transco	914.362.597	1.364.195.342
Phải thu tiền bảo hiểm do mất hàng hóa	1.509.900.526	-
Phải thu tiền chi hộ Công ty XNK Inox Kim VI	323.635.698	-
Phải thu tiền chi hộ Công ty Friesland Campina	883.235.524	1.369.887.930
Phải thu khác	691.511.306	850.765.333
	11.665.133.225	11.288.923.279

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	37.197.757.814	46.643.150.253
Hàng hoá	252.663.121	327.957.766
	37.450.420.935	46.971.108.019

6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm trả trước cho các tàu	1.551.126.087	1.739.842.075
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	93.419.095	493.611.506
	1.644.545.182	2.233.453.581

100
 S TY
 M HUU
 MA TC
 SC
 TP
 HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.117.405
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.374.144.917	-
	<u>8.374.144.917</u>	<u>1.117.405</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	6.000.516.174	6.205.580.798
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	5.000.000
	<u>6.000.516.174</u>	<u>6.210.580.798</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2013	27.594.201.494	157.030.048	1.727.428.889.649	1.162.800.787	1.756.342.921.978
Mua sắm	-	-	661.415.000	29.854.327	691.269.327
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(71.988.130)	-	(71.988.130)
Giảm khác theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	-	(56.277.354)	(55.332.830)	(907.773.592)	(1.019.383.776)
Tại ngày 31/12/2013	27.594.201.494	100.752.694	1.727.962.983.689	284.881.522	1.755.942.819.399
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2013	10.210.311.275	139.617.379	572.438.602.005	966.722.721	583.755.253.380
Trích khấu hao	1.313.591.969	1.851.195	98.054.257.797	44.477.169	99.414.178.130
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(71.988.130)	-	(71.988.130)
Giảm khác theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	-	(40.715.880)	(49.989.697)	(737.306.199)	(828.011.776)
Tại ngày 31/12/2013	11.523.903.244	100.752.694	670.370.881.975	273.893.691	682.269.431.604
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2013	17.383.890.219	17.412.669	1.154.990.287.644	196.078.066	1.172.587.668.598
Tại ngày 31/12/2013	16.070.298.250	-	1.057.592.101.714	10.987.831	1.073.673.387.795

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.053.524.749.585 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 150.053.455.810 đồng
- Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình: Trong năm, Công ty thực hiện thay đổi thời gian khấu hao của một số tàu theo khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 làm chi phí khấu hao năm 2013 giảm so với cùng kỳ năm trước số tiền 5.864.369.349 đồng.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2013	291.699.500	291.699.500
Giảm khác theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(53.045.000)	(53.045.000)
Tại ngày 31/12/2013	238.654.500	238.654.500
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2013	188.138.556	188.138.556
Trích khấu hao	53.055.547	53.055.547
Giảm khác theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(41.261.844)	(41.261.844)
Tại ngày 31/12/2013	199.932.259	199.932.259
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2013	103.560.944	103.560.944
Tại ngày 31/12/2013	38.722.241	38.722.241

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tại ngày đầu năm	10.000.000	24.000.000
Tăng	14.320.000	1.588.803.673
Kết chuyển tăng tài sản cố định	-	(1.602.803.673)
Tại ngày cuối năm	24.320.000	10.000.000
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	24.320.000	10.000.000
Dự án đóng tàu 34.000 tấn (*)	10.000.000	10.000.000
Dự án xây tường bao lô đất 61 khu vực bãi Container Vinaship	14.320.000	-
	24.320.000	10.000.000

(*) Dự án đóng tàu 34.000 tấn đang tạm dừng và đợi ý kiến chỉ đạo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam xem xét về khả năng tiếp tục triển khai thực hiện.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2013	5.812.037.477	5.812.037.477
Giảm khác theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	<u>(26.234.000)</u>	<u>(26.234.000)</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>5.785.803.477</u>	<u>5.785.803.477</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2013	5.812.037.477	5.812.037.477
Giảm khác theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	<u>(26.234.000)</u>	<u>(26.234.000)</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>5.785.803.477</u>	<u>5.785.803.477</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2013	-	-
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>	<u>-</u>

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư dài hạn khác	22.280.507.645	22.280.507.645
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(6.817.693.945)</u>	<u>(8.346.630.350)</u>
	<u>15.462.813.700</u>	<u>13.933.877.295</u>
Đầu tư dài hạn khác		
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	6.895.467.645	6.895.467.645
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.385.040.000	15.385.040.000
	<u>22.280.507.645</u>	<u>22.280.507.645</u>

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu niêm yết		6.895.467.645		6.895.467.645
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	48.833	3.286.010.000	48.833	3.286.010.000
- CTCP phân đạm và hóa chất dầu khí	25.000	1.310.637.500	25.000	1.310.637.500
- CTCP Xi măng Hà Tiên 1	18.900	485.801.225	18.900	485.801.225
- CTCP Vận tải biển Việt Nam	60.000	1.276.000.000	60.000	1.276.000.000
- CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	33.686	537.018.920	33.686	537.018.920

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn (tiếp theo)

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu chưa niêm yết		15.385.040.000		15.385.040.000
- Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	160.000	11.200.000.000	160.000	11.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	516.553	4.185.040.000	516.553	4.185.040.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(6.817.693.945)		(8.346.630.350)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		(1.977.285.600)		(1.957.753.225)
- CTCP phân đạm và hóa chất dầu khí		(273.137.500)		(415.637.500)
- CTCP Xi măng Hà Tiên 1		(391.301.225)		(408.311.225)
- CTCP Vận tải biển Việt Nam		(1.006.000.000)		(1.138.000.000)
- CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam		(432.592.320)		(456.172.400)
- Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn		(1.600.000.000)		(3.040.000.000)
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam		(1.137.377.300)		(930.756.000)
		15.462.813.700		13.933.877.295

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	123.953.415.704	121.929.376.478
Vay ngân hàng	106.103.415.704	106.609.376.478
Vay cá nhân	17.850.000.000	15.320.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	65.870.832.000	36.070.662.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 18)	65.870.832.000	36.070.662.000
	189.824.247.704	158.000.038.478

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽¹⁾	83.038.384.657	79.879.201.580
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng ⁽²⁾	23.065.031.047	26.730.174.898
Vay cá nhân ⁽³⁾	17.850.000.000	15.320.000.000
	123.953.415.704	121.929.376.478

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng	16.867.200.000	12.082.527.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân	5.650.512.000	2.789.076.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đồng Đa	26.987.520.000	21.199.059.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Hải Phòng	16.365.600.000	-
	<u>65.870.832.000</u>	<u>36.070.662.000</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Số dư khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm 31/12/2013 là 56.812.251.330 đồng và 1.243.887,94 USD (tương đương với 26.226.133.327 đồng) bao gồm 02 hợp đồng:

(a) Hợp đồng tín dụng hạn mức Mreset số 0071 ngày 04 tháng 07 năm 2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 90 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải biển;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến ngày 20/06/2014, thời hạn tối đa của mỗi khế ước nhận nợ không quá 05 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Maritime Bank theo từng thời kỳ hoặc lãi suất ưu đãi áp dụng theo thông báo tại từng thời điểm.

(b) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0070 ngày 04 tháng 07 năm 2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 90 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải biển, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải biển;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày 20/06/2013, thời hạn tối đa của mỗi khế ước nhận nợ không quá 05 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo quy định của Maritime Bank tại từng lần giải ngân.

Các hình thức bảo đảm tiền vay đối với 02 hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng: Tài sản thế chấp là các tàu của Công ty bao gồm Vinaship Diamond, Vinaship Pearl, Vinaship Ocean, Mỹ Vượng, Hà Tiên, Bình Phước.

(2) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm 31/12/2013 là 1.093.958,30 USD (tương đương với 23.065.031.047 đồng) bao gồm 02 hợp đồng:

(a) Hợp đồng tín dụng số 0269/13//HĐTDHM/DN ngày 26 tháng 11 năm 2013 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 900.000 USD hoặc VND quy đổi tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động đội tàu biển trong nước và quốc tế;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng, kể từ ngày 26/11/2013 đến ngày 26/11/2014. Thời hạn của từng hình thức cấp tín dụng được quy định cụ thể trong từng khế ước nhưng tối đa không quá 03 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của HD Bank theo từng thời kỳ;

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

(b) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0169/13/HĐTĐHM/DN ngày 21/05/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 287.000 USD;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải biển tuyến quốc tế;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày 21/05/2013 đến ngày 21/05/2014;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của HD Bank theo từng thời kỳ.

Các hình thức bảo đảm tiền vay đối với 02 hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng: Tài sản thế chấp là các tàu của Công ty bao gồm Tàu Mỹ An và Tàu Hà Nam.

(3) Các hợp đồng vay cá nhân để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh với thời hạn vay 12 tháng, lãi suất quy định trong hợp đồng tại từng thời điểm nhận nợ.

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.068.509.499	26.541.749
Thuế Thu nhập cá nhân	1.378.790.574	1.606.005.006
	<u>4.447.300.073</u>	<u>1.632.546.755</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.803.610.251	2.284.333.335
Chi phí phải trả khác	3.473.088.635	11.816.858.031
	<u>5.276.698.886</u>	<u>14.101.191.366</u>

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.858.766.957	2.985.468.811
Bảo hiểm xã hội	4.798.554.199	1.863.870.636
Bảo hiểm y tế	1.236.357.278	627.721.356
Bảo hiểm thất nghiệp	367.625.210	141.040.484
Phải trả cổ tức cho cổ đông	10.114.830.000	10.123.635.000
Phải trả lãi vay	24.565.982.076	9.047.809.597
Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	2.004.228.330	4.793.625.699
Phải trả khác cho thuyền viên	968.579.109	1.924.022.432
Phải trả thuế TNCN của thuyền viên	4.502.351.041	3.425.711.014
Phải trả, phải nộp khác	1.295.906.117	2.657.545.581
	<u>52.713.180.317</u>	<u>37.590.450.610</u>

18 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	625.238.050.400	658.453.480.400
Vay ngân hàng	625.238.050.400	658.453.480.400
	<u>625.238.050.400</u>	<u>658.453.480.400</u>

Chi tiết vay dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽¹⁾	87.319.850.000	103.685.450.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng ⁽²⁾	201.320.574.000	208.431.396.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân ⁽³⁾	145.776.884.400	149.488.229.400
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và		
Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đống Đa ⁽⁴⁾	190.820.742.000	196.848.405.000
	<u>625.238.050.400</u>	<u>658.453.480.400</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(1) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm 2 hợp đồng:

(a) Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007), với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 118 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 12.500 DWT - chiếc 03/KH 2005;
- + Thời hạn cho vay: 180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006);
- + Thời hạn trả nợ gốc: 169 tháng từ tháng 11/2007, kỳ trả nợ đầu tiên của số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2012 là năm 2014;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn 7,8%/năm. Lãi phát sinh trong thời gian giãn nợ từ 01/08/2011 đến 31/12/2013 trả theo hợp đồng đã ký;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Gold);
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 73.685.450.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 9.307.200.000 đồng.

(b) Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007), với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 75 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước;
- + Thời hạn cho vay: 180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003);
- + Thời hạn trả nợ gốc: 156 tháng từ tháng 04/2005, kỳ trả nợ đầu tiên của số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2012 là năm 2014;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn 3%/năm. Lãi phát sinh trong thời gian giãn nợ từ 01/08/2011 đến 31/12/2013 trả theo hợp đồng đã ký;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Mỹ Hưng);
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 30.000.000.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 7.058.400.000 đồng.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)**(2) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm 2 hợp đồng:**

(a) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0033/09/HP ngày 11/03/2009 và các phụ lục bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 9.450.000 USD;
- + Mục đích vay: Mua tàu chở hàng khô Vinaship Diamond theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 05/03/2009;
- + Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 27/03/2009);
- + Thời hạn trả nợ gốc: được kéo dài thêm 2 năm đến năm 2018 theo biên bản số 177/BB-UBTD ngày 28/06/2012 của Ủy ban tín dụng và đầu tư MSB về việc gia hạn trả nợ của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship và phụ lục số 05 ngày 09/07/2013;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng/lần;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Diamond), Tàu Vinaship Ocean, Tàu Vinaship Pearl, Tàu Hà Tiên, Tàu Bình Phước, Tàu Mỹ Vương;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 101.213.742.000 đồng (tương đương với 4.800.500 USD), trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 8.433.600.000 đồng (tương đương với 400.000 USD).

(b) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0198/09/HP ngày 12/10/2009 và các phụ lục bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 9.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Mua tàu chở hàng khô Vinaship Pearl theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 25/08/2009;
- + Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 17/10/2009);
- + Thời hạn trả nợ gốc: được kéo dài thêm 2 năm đến năm 2018 theo biên bản số 177/BB-UBTD ngày 28/06/2012 của Ủy ban tín dụng và đầu tư MSB về việc gia hạn trả nợ của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship và phụ lục số 05 ngày 09/07/2013;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng/lần;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Pearl), Tàu Vinaship Ocean, Tàu Vinaship Diamond, Tàu Hà Tiên, Tàu Bình Phước, Tàu Mỹ Vương;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 116.974.032.000 đồng (tương đương với 5.548.000 USD), trong đó số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 8.433.600.000 đồng (tương đương với 400.000 USD).

(3) Hợp đồng tín dụng số 01.09/HĐTD-DH ngày 01/12/2009 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 10.700.000 USD;
- + Mục đích vay: Mua tàu biển Vinaship Sea, trọng tải 27.841 tấn, do Nhật Bản sản xuất năm 1998;
- + Thời hạn cho vay: 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 04/01/2010);
- + Thời hạn trả nợ gốc: được kéo dài thêm 03 năm theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2009-HĐTD-SĐBS04/NHCT164-CTCPVTB VINASHIP ngày 17/01/2014. Số tiền cho vay bao gồm 132 tháng từ 04/01/2010-04/01/2021, được trả thành 44 kỳ hạn (03 tháng/kỳ), trong đó từ kỳ thứ 16 (20/01/2014) đến kỳ thứ 23 (20/10/2015) số gốc phải trả là 67.000 USD/kỳ. Phần nợ gốc được giảm sẽ dồn vào thu trong các kỳ tiếp theo;
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi vay thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/ lần. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiền gửi USD của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ 12 tháng + biên độ 3,5%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Sea);
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 151.427.396.400 đồng (tương đương với 7.182.100 USD), trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 5.650.512.000 đồng (tương đương với 268.000 USD).

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

(4) Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMĐ-VNA ngày 17/02/2011 tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đồng Đa và các phụ lục bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 11.640.000 USD;
- + Mục đích vay: Đầu tư mua tàu chở hàng tổng hợp Vinaship Star trọng tải 23.949 DWT;
- + Thời hạn cho vay: 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng cho vay (ngày 07/03/2011);
- + Thời hạn trả nợ gốc: được kéo dài thêm 01 năm theo Phụ lục hợp đồng cho vay hợp vốn Số 015.PL03/2012/HĐCVHV/BVBHP-IVBMĐ-VNA bao gồm 108 tháng, được phân kỳ trả nợ làm 18 kỳ trong suốt thời hạn 09 năm. Số tiền trả nợ gốc hàng năm sẽ được phân làm 02 kỳ trả nợ (06 tháng/kỳ);
- + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất cho vay USD 7% trong 3 tháng đầu tiên, được điều chỉnh 3 tháng/lần;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: là tài sản hình thành từ vốn vay (Tàu Vinaship Star), Tàu Mỹ Thịnh;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 217.808.262.000 đồng (tương đương với 10.330.500 USD), trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 26.987.520.000 đồng (tương đương với 1.280.000 USD).



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2012						
Tại ngày 01/01/2012	200.000.000.000	(877.356.045)	68.374.853.415	9.706.559.049	67.398.590.785	344.602.647.204
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(28.291.261.274)	(28.291.261.274)
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.234.206.260	1.617.103.130	(4.851.309.390)	-
Trích Quỹ KT - PL	-	-	-	-	(1.617.103.130)	(1.617.103.130)
Trích Quỹ khen thưởng BĐH	-	-	-	-	(670.861.828)	(670.861.828)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	877.356.045	-	-	-	877.356.045
Tại ngày 31/12/2012	200.000.000.000	-	71.609.059.675	11.323.662.179	31.968.055.163	314.900.777.017
Năm 2013						
Tại ngày 01/01/2013	200.000.000.000	-	71.609.059.675	11.323.662.179	31.968.055.163	314.900.777.017
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(107.894.901.770)	(107.894.901.770)
Tăng khác do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	12.200.809.663	-	-	-	12.200.809.663
Tăng khác ⁽¹⁾	-	-	-	-	7.834.836.698	7.834.836.698
Giảm khác do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	(12.200.809.663)	-	-	-	(12.200.809.663)
Giảm khác ⁽²⁾	-	-	-	-	(2.435.227.373)	(2.435.227.373)
Tại ngày 31/12/2013	200.000.000.000	-	71.609.059.675	11.323.662.179	(70.527.237.282)	212.405.484.572

(1) Trong năm, Công ty nhận được Công văn trả lời số 562/CT-TT&HT ngày 04/05/2013 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng về những ưu đãi thuế Công ty được hưởng (Chi tiết tại Thuyết minh số 2.18), theo đó Công ty hạch toán giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đối với số tiền ưu đãi thuế tạm tính năm 2010 là 7.834.836.698 đồng.

(2) Trong năm Công ty thực hiện điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền 2.435.227.373 đồng theo Biên bản kiểm tra thuế tại Công ty ngày 06 tháng 05 năm 2013 và Biên bản kiểm tra thuế tại Xí nghiệp Dịch vụ vận tải ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2013 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2013 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	51,00%	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000
Vốn góp của các Cổ đông khác	49,00%	98.000.000.000	49,00%	98.000.000.000
	100%	200.000.000.000	100%	200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Quỹ đầu tư phát triển	71.609.059.675	71.609.059.675
Quỹ dự phòng tài chính	11.323.662.179	11.323.662.179
	82.932.721.854	82.932.721.854

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	560.418.335.979	697.213.018.131
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	121.087.718.208	123.686.202.120
	681.506.054.187	820.899.220.251

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động vận tải biển	568.632.845.105	651.553.539.854
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	110.830.158.730	111.584.867.986
	679.463.003.835	763.138.407.840

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	52.437.326	124.472.180
Cổ tức, lợi nhuận được chia	522.944.720	865.122.713
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.003.347.676	1.233.147.806
Doanh thu hoạt động tài chính khác	478.000	-
	2.579.207.722	2.222.742.699

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	58.394.759.750	63.636.066.314
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.152.323.753	1.607.281.348
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	7.522.497.000	217.185.365
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.528.936.405)	(4.179.447.000)
Chi phí tài chính khác	949.493	-
	68.541.593.591	61.281.086.027

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	16.551.574.581	21.395.432.622
	16.551.574.581	21.395.432.622

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	921.735.514	480.056.039
Chi phí nhân công	16.849.704.931	17.207.761.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	696.052.998	1.018.578.659
Thuế, phí, lệ phí	1.405.709.500	1.489.418.175
Chi phí dự phòng	(643.361.061)	343.985.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.303.754.811	1.956.945.894
Chi phí khác bằng tiền	3.246.459.089	5.673.086.590
	26.780.055.782	28.169.833.105

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	45.545.455	24.209.400.000
Thu nhập khác	8.671.052	1.055.712.942
	54.216.507	25.265.112.942

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	195.000	1.100.977.762
Chi phí khác	697.957.397	1.592.599.810
	698.152.397	2.693.577.572

28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(107.894.901.770)	(28.291.261.274)
Các khoản điều chỉnh tăng	23.877.265	707.039.252
- Chi phí không hợp lệ	19.106.739	71.703.529
- Chênh lệch tỷ giá	4.770.526	635.335.723
Các khoản điều chỉnh giảm	(28.972.289.455)	(865.122.713)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(522.944.720)	(865.122.713)
- Chuyển lỗ các năm trước	(28.449.344.735)	-
Tổng thu nhập tính thuế	(136.843.313.960)	(28.449.344.735)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	2.354.258.025
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(2.354.258.025)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm tạm tính theo Công văn trả lời số 562/CT-TT&HT ngày 04/05/2013 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng	(7.834.836.698)	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm tạm tính theo Biên bản kiểm tra thuế tại Công ty ngày 06/05/2013 và Biên bản kiểm tra thuế tại Xí nghiệp Dịch vụ vận tải ngày 29/01/2013 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng	(539.308.219)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(8.374.144.917)	-

Việc điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ theo các Văn bản trả lời của cơ quan thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do đó số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(107.894.901.770)	(28.291.261.274)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(107.894.901.770)	(28.291.261.274)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.395)	(1.415)

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	231.490.745.241	350.241.294.789
Chi phí nhân công	93.106.408.348	105.668.779.396
Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.467.233.677	36.312.126.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.477.116.852	306.595.394.863
Chi phí khác bằng tiền	8.253.130.080	13.886.078.292
	722.794.634.198	812.703.673.567

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	4.536.508.000	-	8.446.244.168	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	52.942.422.494	(398.199.438)	50.318.524.200	(1.041.560.499)
Đầu tư dài hạn	22.280.507.645	(6.817.693.945)	22.280.507.645	(8.346.630.350)
	79.759.438.139	(7.215.893.383)	81.045.276.013	(9.388.190.849)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay và nợ	815.062.298.104	816.453.518.878
Phải trả người bán, phải trả khác	135.347.721.580	124.583.536.518
Chi phí phải trả	5.276.698.886	14.101.191.366
	955.686.718.570	955.138.246.762

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.536.508.000	-	-	4.536.508.000
Phải thu khách hàng, phải thu khác	52.544.223.056	-	-	52.544.223.056
Đầu tư dài hạn	-	15.462.813.700	-	15.462.813.700
	57.080.731.056	15.462.813.700	-	72.543.544.756
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.446.244.168	-	-	8.446.244.168
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.276.963.701	-	-	49.276.963.701
Đầu tư dài hạn	-	13.933.877.295	-	13.933.877.295
	57.723.207.869	13.933.877.295	-	71.657.085.164

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	189.824.247.704	493.536.417.840	131.701.632.560	815.062.298.104
Phải trả người bán, phải trả khác	134.925.545.946	422.175.634	-	135.347.721.580
Chi phí phải trả	5.276.698.886	-	-	5.276.698.886
	330.026.492.536	493.958.593.474	131.701.632.560	955.686.718.570
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	158.000.038.478	613.408.673.550	45.044.806.850	816.453.518.878
Phải trả người bán, phải trả khác	124.583.536.518	-	-	124.583.536.518
Chi phí phải trả	14.101.191.366	-	-	14.101.191.366
	296.684.766.362	613.408.673.550	45.044.806.850	955.138.246.762

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	560.418.335.979	121.087.718.208	681.506.054.187
Chi phí bộ phận trực tiếp	568.632.845.105	110.830.158.730	679.463.003.835
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(8.214.509.126)	10.257.559.478	2.043.050.352
Tài sản bộ phận trực tiếp	1.113.536.058.029	34.236.807.540	1.147.772.865.569
Tài sản không phân bổ	-	-	57.053.183.207
Tổng tài sản	1.113.536.058.029	34.236.807.540	1.204.826.048.776
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	944.218.346.086	12.841.222.425	957.059.568.511
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	35.360.995.693
Tổng nợ phải trả	944.218.346.086	12.841.222.425	992.420.564.204

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Quốc tế VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.921.865.117	558.584.189.070	681.506.054.187
Tài sản bộ phận	107.214.046.614	1.097.612.002.162	1.204.826.048.776
Nợ phải trả bộ phận	963.020.160.230	29.400.403.974	992.420.564.204

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay			
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tổng Công ty	-	1.044.527.339

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Cổ tức phải trả			
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tổng Công ty	9.400.000.000	9.400.000.000
Lãi vay phải trả			
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tổng Công ty	3.231.277.634	3.231.277.634

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.403.952.872	2.951.235.672

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Vương Ngọc Sơn